**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**VỤ THANH TOÁN**

**-----\*\*\*\*\*-----**

****

**BÁO CÁO**

**KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI**

**FINTECH REGULATORY SANDBOX**

**Hà Nội – 06/2022**

|  |  |
| --- | --- |
| **BÁO CÁO**  **KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI**  **FINTECH REGULATORY SANDBOX** |  |
|  |  |

Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đã mang lại những cơ hội và thách thức lớn trong việc ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt cuộc sống, trong các ngành dịch vụ trong đó có ngành tài chính - ngân hàng. Sự tham gia của các công ty không phải ngân hàng (non-bank) vào thị trường tài chính – ngân hàng như một thực thể độc lập cung ứng các sản phẩm, dịch vụ cùng với sự phát triển mạnh của các dịch vụ ngân hàng số (Digital finance services) khiến các các cơ quản quản lý phải đặt câu hỏi, liệu các phương pháp tiếp cận pháp lý như hiện nay còn đầy đủ, kịp thời và hiệu quả đối với sự thay đổi này.

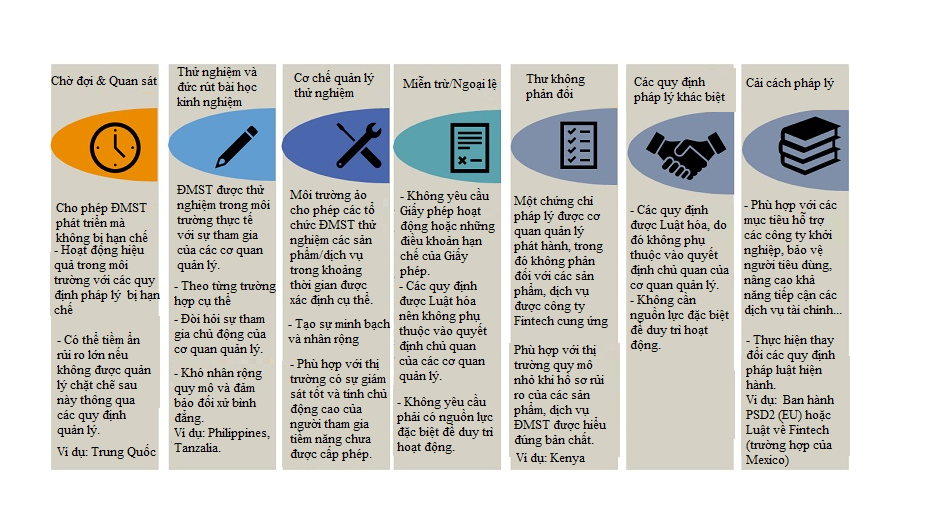
Từ góc độ quốc tế, pháp luật tài chính - ngân hàng nói chung đều quy định hết sức chặt chẽ nhằm đảm bảo sự hoạt động lành mạnh của các ngân hàng, đảm bảo ổn định hệ thống tài chính và bảo vệ người tiêu dùng. Tuy nhiên, do Fintech là lĩnh vực mới, chưa có tiền lệ nên hầu hết các nước còn thiếu một khung pháp lý và quy định toàn diện cho lĩnh vực này. Một số nước nếu có ban hành quy định quản lý cho hoạt động Fintech thì thường là chỉ giới hạn trong một mảng hoạt động hẹp (như tài sản mã hóa, cho vay ngang hàng - P2P lending…) mà chưa có một khung khổ pháp lý và chính sách đồng bộ, nhất quán để ứng xử, điều tiết lĩnh vực Fintech.

1. **Phương thức ứng xử của các Quốc gia trong lĩnh vực Fintech**

Ngành công nghiệp Fintech vẫn đang phát triển với tốc độ nhanh và phi thường khiến các cơ quan quản lý tài chính trên toàn thế giới không thể hiểu cũng như nắm bắt kịp được những công nghệ mới được ứng dụng vào ngành và cách chúng phù hợp với khuôn khổ pháp lý hiện hành. Sự phát triển về quy mô và mở rộng về phạm vi hoạt động của Fintech đến một lúc nào đó có thể khiến cơ quan quản lý tài chính của nhiều quốc gia phải đối mặt với những rủi ro, thách thức trong công tác quản lý, giám sát. Mặc dù luôn nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu đổi mới sáng tạo của ngành tài chính, nhưng các cơ quan quản lý cũng không mong muốn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn gia tăng cùng sự phát triển của Fintech như rửa tiền và tài trợ khủng bố (AML/CFT), rủi ro mất ổn định tài chính, rủi ro an ninh mạng, nguy cơ lọt, lộ, lạm dụng dữ liệu người dùng…

Thách thức đặt ra với các cơ quan quản lý tài chính-tiền tệ các nước trên thế giới là đảm bảo đồng thời mục tiêu thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khi vẫn phải duy trì sự ổn định tài chính, bảo vệ người tiêu dùng.

Nghiên cứu của Nhóm công tác Ngân hàng Thế giới (World Bank Group) đã tổng kết và chỉ ra 7 công cụ và cách tiếp cận chính sách khác nhau đã và đang được các nước trên thế giới áp dụng trong lĩnh vực Fintech.



*Nguồn: World Bank Group*

* *Chờ đợi và quan sát (Wait and See):* Cho phép đổi mới sáng tạo tự phát triển mà không bị bất kỳ hạn chế nào, phù hợp với những môi trường mà các quy định pháp lý còn hạn chế. Tuy nhiên, công cụ và cách tiếp cận này lại tiềm ẩn rủi ro lớn nếu những quy định không được kiểm soát chặt chẽ. Trường hợp các công ty P2P Lending hoạt động “tự phát” ở Trung Quốc trong giai đoạn đầu khi chưa có quy định pháp lý quản lý là một minh chứng điển hình cho cách tiếp cận này.

Trong giai đoạn đầu khi mô hình P2P Lending mới manh nha xuất hiện và phát triển, các cơ quan quản lý Trung Quốc đã hoàn toàn không kiểm soát, giám sát lĩnh vực này mà để cho thị trường tự điều tiết. Điều đó dẫn đến hoạt động của một số công ty P2P Lending (được các nhà quản lý Trung Quốc gọi là hoạt động ngân hàng phi chính thức – *shadow banking*), mang đến nhiều hệ lụy cho nền kinh tế Trung Quốc (đỉnh điểm là sự sụp đổ của nền tảng Ezubo, gây thiệt hại 11 tỷ USD cho nhà đầu tư). Giai đoạn phát triển đỉnh điểm, trên 4.000 công ty P2P Lending đã được hình thành, hoạt động tại Trung Quốc; đến nay một số hoạt động tốt nhưng có trên 2.000 công ty đang tồn tại theo mô hình đa cấp *(ponzi)* với những dấu hiệu lừa đảo, chiếm đoạt tiền của cả người cho vay lẫn người đi vay. Từ những hệ lụy xấu tiềm ẩn mà các công ty P2P Lending có thể mang lại cho nền kinh tế, các cơ quan quản lý tại Trung Quốc đã chuyển từ quan điểm không quản lý sang quản lý, cấp phép và giám sát chặt chẽ hoạt động các công ty P2P Lending này.

* *Thử nghiệm và rút bài học kinh nghiệm (Test and Learn):* Theo cách tiếp cận này thì những mô hình đổi mới sáng tạo sẽ được thử nghiệm/thí điểm trong môi trường thực tế với sự tham gia đồng hành của các cơ quan quản lý. Đây là công cụ áp dụng cho từng trường hợp cụ thể, tuy nhiên công cụ này có nhược điểm là khó có khả năng nhân rộng quy mô và không đảm bảo rằng các công ty tham gia thử nghiệm/thí điểm được đối xử bình đẳng như nhau.

Trường hợp này tương tự cách thức NHNN Việt Nam đã thực hiện đối với dịch vụ Trung gian thanh toán trước đây (giai đoạn 2007-2010). Khi đó NHNN đã cho phép một số công ty được cung ứng thí điểm dịch vụ thanh toán mới như Ví điện tử dựa trên việc xem xét hồ sơ cụ thể của từng công ty mà không có khuôn khổ hay tiêu chí xem xét chung.

* *Cơ chế quản lý thử nghiệm (Regulatory Sandbox):* Là mộtmôi trưởng mà ở đó các tổ chức đổi mới sáng tạo (innovators) có thể thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ của họ trong một khoảng thời gian và không gian được xác định. Phương pháp tiếp cận này mang đến sự minh bạch hơn và khả năng nhân rộng với nhiều loại hình dịch vụ, phù hợp với những thị trường có sự quản lý, giám sát tốt và mức độ chủ động cao của những tổ chức tham gia mà chưa được cấp phép (potentially non-licensed players).
* *Miễn/ngoại lệ (Waiver/exemption):* Cách tiếp cận quản lý này không yêu cầu về Giấy phép hoạt động hoặc những điều khoản hạn chế trong Giấy phép khi các công ty Fintech cung ứng dịch vụ ra thị trường. Đồng thời, do được Luật hóa nên không cần phải phụ thuộc vào các quyết định chủ quan từ cơ quan quản lý Nhà nước.
* *Thư không phản đối (Letters of No-Objection):* Là giấy chứng nhận hợp pháp được cơ quan có thẩm quyền phát hành, trong đó chỉ rõ sự không phản đối đối với sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp bởi các doanh nghiệp Fintech. Cách tiếp cận/công cụ này phù hợp với các thị trường quy mô nhỏ khi hồ sơ rủi ro của các sản phẩm đổi mới sáng tạo cơ bản được hiểu đúng bản chất.
* *Các quy định pháp lý khác biệt (Differentiated Regulation):* Cách tiếp cận này tương tự như phương pháp miễn trừ/ngoại lệ. Các quy định được luật hóa, do đó không cần các quyết định mang tính chủ quan từ các cơ quan quản lý Nhà nước, không đòi hỏi nguồn lực đặc biệt để đảm bảo duy trì hoạt động.

Cách tiếp cận này được áp dụng trong các giao dịch mua bán tiền ảo/tiền mã hóa tại một số quốc gia. Họ viện dẫn các quy định về tài sản ảo hay luật thuế hiện hành qua đó cho phép thực hiện giao dịch mua bán tiền ảo/tiền mã hóa như một loại tài sản ảo và nộp thuế cho nhà nước.

* *Cải cách pháp lý/luật pháp:* Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp Fintech, bảo vệ người tiêu cùng, tăng cường khả năng cạnh tranh, ổn định tài chính và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính – ngân hàng. Theo đó, để áp dụng công cụ này, các cơ quan quản lý cần thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành. Ví dụ: EU ban hành Chỉ thị về Dịch vụ thanh toán 2 (Payment Service Directive - PSD2). Tuy nhiên, cách tiếp cận này đòi hỏi mất thời gian khi các sản phẩm dịch vụ đã phát triển “chín muồi”; các cơ quan quản lý đã hiểu rõ và đầy đủ về rủi ro cũng như bản chất của dịch vụ.

1. **Regulatory Sandbox – phương thức tiếp cận pháp lý phổ biến hiện nay cho lĩnh vực Fintech**

Sandbox là một công cụ và cách tiếp cận chính sách ưa thích nhất được nhiều nước hiện nay đang áp dụng để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tăng cường cạnh tranh, tính hiệu quả trong ngành ngân hàng - tài chính thông qua việc cho phép thử nghiệm các các giải pháp bằng những giao dịch thật trong một môi trường có kiểm soát, ***giới hạn về phạm vi, quy mô, thời gian thử nghiệm***.

Các giải pháp Fintech tham gia vào Sandbox sẽ đặt được dưới sự giám sát thường xuyên, liên tục của cơ quan quản lý ngân hàng - tài chính nhằm hạn chế ở mức thấp nhất rủi ro, hệ lụy phát sinh. Thông tin, dữ liệu, kết quả thử nghiệm đối với các giải pháp Fintech tham gia vào Sandbox này sẽ là cơ sở, căn cứ để cơ quan quản lý, giám sát đánh giá tính khả thi, lợi ích, rủi ro từ đó đưa ra quyết định, cách thức ứng xử phù hợp tiếp theo.

* 1. ***Sự phát triển của Regulatory Sandbox***

Vương quốc Anh được biết đến là quốc gia có hệ sinh thái Fintech phát triển hàng đầu trên thế giới[[1]](#footnote-1) và cũng là một quốc gia tiên phong trong việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo ngành tài chính (trong đó có lĩnh vực Fintech). Chính phủ Anh luôn ưu tiên và khuyến khích sự đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tài chính thông qua các chính sách hỗ trợ của mình. Năm 2011, David Cameron (Thủ tướng Anh Quốc giai đoạn 2010-2016) đã khởi phát một sáng kiến ​​được gọi là StartUp Britain để hỗ trợ khu vực tư nhân và giúp thiết lập các doanh nghiệp khởi nghiệp. Nhờ sự hỗ trợ và giúp đỡ từ Chính phủ, Vương quốc Anh đã tăng tốc nhanh hơn để trở thành một Hệ sinh thái hoàn hảo cho khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

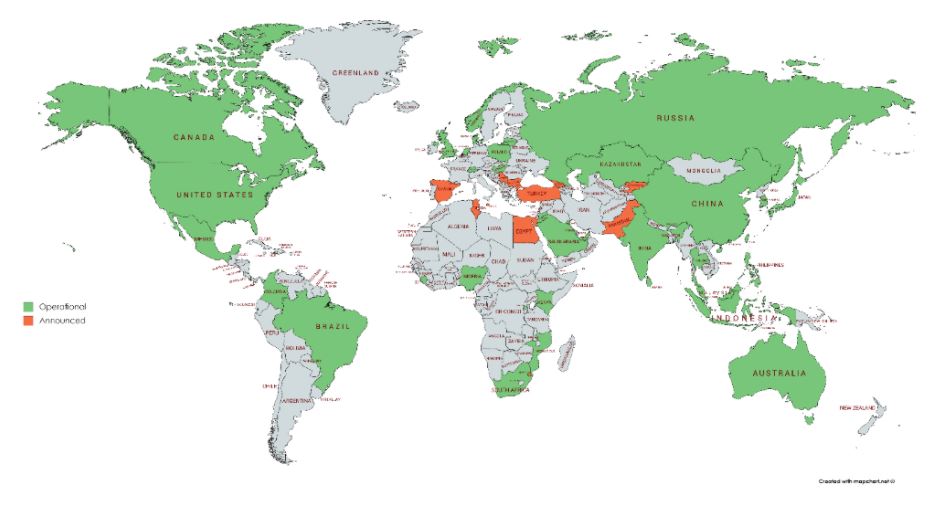
Trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, *Cơ quan Giám sát Tài chính Anh (UK’s Financial Conduct Authority - FCA)* với chức năng quản lý hoạt động tài chính tại Anh, là cơ quan quản lý tài chính chính thức đầu tiên trên thế giới giới thiệu và áp dụng **Sandbox kể từ tháng 11/2015**. Quá trình triển khai đã được FCA đánh giá sau 01 năm với những kết quả tích cực, khi đã xét duyệt cho 175 tổ chức tham gia vào khuôn khổ thử nghiệm, trong đó có nhiều tổ chức đã thử nghiệm thành công và cung ứng chính thức dịch vụ ra thị trường.

Trên cơ sở thành công đó, đầu năm 2018, FCA đã giới thiệu ***Khung pháp lý thử nghiệm Fintech toàn cầu (Global Fintech Sandbox Framework)*** qua đó khẳng định vai trò “dẫn dắt” của Anh lĩnh vực thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ tài chính sáng tạo trên thế giới và vị thế của một cường quốc hàng đầu thế giới về Fintech. Đến nay FCA đã phối hợp với 11 cơ quan tài chính và các tổ chức có liên quan trên thế giới thành lập Mạng lưới Đổi mới Tài chính Toàn cầu (GFIN) qua đó cho phép các công ty khởi nghiệp tham gia thử nghiệm các giải pháp Fintech trên quy mô toàn lớn hơn và kết nối với các Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Fintech của các quốc gia khác trên thế giới.

Ở khu vực Đông Nam Á, Singapore, Malaysia và Thái Lan là ba quốc gia đầu tiên ban hành Sandbox, trong đó Singapore ban hành tháng 6/2016; Malaysia ban hành tháng 10/2016 và Thái Lan ban hành tháng 12/2016; vào cuối năm 2017, NHTW Indonesia cũng đã ban hành Sandbox tại quốc gia này. Gần đây, Philippines cũng đã ban hành Sandbox vào tháng 5/2021.

Singapore là quốc gia đầu tiên ở khu vực Châu Á và thứ 2 trên thế giới (sau Vương quốc Anh) đã ban hành Hướng dẫn Cơ chế quản lý thử nghiệm Fintech[[2]](#footnote-2) cho các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực Fintech, trong đó đặt ra mục tiêu và các nguyên tắc hướng dẫn cho các tổ chức tài chính đăng ký cung ứng dịch vụ Fintech sáng tạo. Việc áp dụng Sandbox cho hoạt động Fintech giúp thị trường tài chính Singapore trở thành một trong những Hệ sinh thái Fintech và thị trường tài chính năng động, phù hợp với mục tiêu của Chính phủ Singapore là biến nước này thành Trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu thế giới.

Kể từ khi quốc gia đầu tiên trên thế giới là Vương quốc Anh ban hành Sandbox vào tháng 11/2015 (chính thức triển khai vào cuối năm 2016), rất nhiều các quốc gia khác trên thế giới đã có cách tiếp cận tương tự. Đến nay, theo thống kê của CGAP (2020) có trên 60 quốc gia trên thế giới đã ban hành Fintech Sandbox.



*Nguồn: World Bank Group*

* 1. ***Những đặc điểm chung của Regualtory Sandbox***

Mỗi quốc gia có một cách tiếp cận và nguyên tắc để quản lý đối với lĩnh vực Fintech, tuy nhiên đều có những nguyên tắc và tiêu chí cơ bản giống nhau khi ban hành Sandbox vì thực chất là việc thiết lập một ***nguyên tắc chung*** để tiếp nhận các đơn đăng ký tham gia thử nghiệm; kiểm tra, thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh trước khi chính thức thương mại hóa ra thị trường. Sandbox có các đặc điểm như sau:

1. Khuôn khổ Sandbox giúp các cơ quan quản lý ***định hình được bản chất cũng như các rủi ro tiềm ẩn***của các loại hình dịch vụ Fintech, từ đó có thể ban hành được khuôn khổ pháp lý/quản lý chính thức (nếu cần ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành) phù hợp với thực tế thị trường nhất.
2. Rủi ro xảy ra là điều có thể có với các giải pháp Fintech trong quá trình thử nghiệm và thường được ***chấp nhận ở một mức độ cho phép*** trong một khuôn khổ Sandbox.

Các cơ quan quản lý nhà nước giám sát và theo dõi chặt chẽ đối với mọi rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm; phụ thuộc vào mức độ tác động và ảnh hưởng của các loại hình rủi ro, các cơ quan quản lý sẽ triển khai các phương án phù hợp bao gồm việc chấm dứt ngay hoạt động thử nghiệm, điều chỉnh giải pháp cho phù hợp điều kiện thực tế hay không chấp thuận cho công ty Fintech được triển khai cung ứng dịch vụ ra thị trường sau khi “tốt nghiệp Sandbox”.

1. Sandbox được giao quản lý và vận hành bởi một cơ quan quản lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm thị trường. Đối với quốc gia có một cơ quan quản lý chung về thị trường tài chính (ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm) chỉ ban hành 01 Sandbox và giao cho cơ quan đó làm đầu mối xử lý. Đối với các quốc gia có sự phân chia chức năng quản lý thị trường tài chính như Việt Nam hay Thái Lan, ban hành nhiều hơn 01 Sandbox cho các lĩnh vực tài chính khác nhau và do các cơ quan chuyên môn đầu mối xử lý.
2. Sandbox thường giới hạn về không gian, thời gian hay quy mô thử nghiệm các giải pháp.

Mục đích nhằm giúp cơ quan quản lý giám sát quá trình thử nghiệm tốt hơn nhằm giảm thiểu rủi ro, tác động tiêu cực tới người sử dụng dịch vụ; đo lường và đánh giá toàn diện, chính xác rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm;giúp xây dựng các chính sách và triển khai các hành động phản ứng pháp lý phù hợp.

1. Trong khuôn khổ Sandbox, các công ty Fintech phải nộp đơn để được tham gia thử nghiệm các giải pháp, thông thường các các giải pháp phải đáp ứng được một số tiêu chí cơ bản.

Thông thường, các Sandbox chỉ bao gồm một bộ tiêu chí áp dụng chung cho tất cả các đối tượng và mang tính chất định tính nhiều hơn. Điều này thể hiện rõ bản chất của dịch vu/giải pháp Fintech là mới và các cơ quan quản lý chưa nắm bắt và hiểu rõ được bản chất cũng như rủi ro của chúng.

Theo đó tiêu chí quan trọng nhất là tính sáng tạo và đổi mới của giải pháp (là giải pháp được áp dụng công nghệ mới lần đầu tiên được triển khai ở quốc gia đó hoặc giải pháp khác biệt về mặt công nghệ so với giải pháp hiện tại). Một tiêu chí khác khá quan trọng khi đánh giá giải pháp xin tham gia thử nghiệm, đó phải là giải pháp có khả năng mang lại những lợi ích thiết thực cho khách hàng, nền kinh tế và xã hội.

Ngoài ra, giải pháp xin tham gia thử nghiệm còn phải đáp ứng một số tiêu chí về phương án phòng chống rủi ro và biện pháp bảo vệ người tiêu dùng; các quy định về bảo mật thông tin, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố…

1. Quy trình xem xét của một Sandbox thường được diễn ra như sau:

**Bước 1**

Công ty nộp hồ sơ tham gia Sandbox, theo đó đưa ra các giải pháp mới và mô tả việc đáp ứng các tiêu chí của Sandbox

**Bước 2**

Đánh giá hồ sơ. Hồ sơ sẽ được chấp thuận nếu đáp ứng các tiêu chí

**Bước 3**

Công ty Fintech và Cơ quan quản lý thống nhất phương pháp thử nghiệm. Nếu đề xuất được chấp nhận, Cơ quan quản lý làm việc với Công ty để xác định giải pháp tốt nhất bao gồm các chỉ số thử nghiệm, phương pháp đo lường đầu ra, các yêu cầu báo cáo và giảm thiểu rủi ro.

**Bước 4**

Cho phép Công ty Fintech bắt đầu thử nghiệm

**Bước 6**

Công ty Fintech nộp báo cáo cuối cùng và kết quả thử nghiệm cho Cơ quan quản lý.

**Bước 5**

Thử nghiệm và đánh giá.

Công ty Fintech bắt đầu thử nghiệm và báo cáo Cơ quan quản lý các nội dung như đã thống nhất ở Bước 3

**Bước 7**

Sau khi nhận và rà soát báo cáo cuối cùng, Cơ quan quản lý sẽ đưa ra quyết định sản phẩm thử nghiệm có được chính thức đưa ra thị trường hay không.

***Nguồn: Cơ quan Giám sát Tài chính Anh (FCA)***

1. **Phương thức tiếp cận pháp lý phù hợp với Việt Nam**

Cũng như các quốc gia khác, lĩnh vực Fintech tại Việt Nam hiện nay đang còn phải đối mặt với các thách thức và khó khăn, trong đó những rào cản về khuôn khổ pháp lý có thể coi là thách thức lớn nhất. Trên thực tế, khuôn khổ pháp lý và quản lý của Việt Nam về cơ bản mới chỉ đáp ứng được một phần cho Fintech trong lĩnh vực thanh toán, chưa có khuôn khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho các lĩnh vực khác. Tại Việt Nam, nhiều công ty xưng danh “Fintech” đang vận dụng, căn cứ các quy định pháp luật khác ngoài lĩnh vực kinh doanh có điều kiện chuyên ngành ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm để tiến hành hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ “Fintech” như quy định pháp luật chung của Bộ luật dân sự hay quy định pháp luật chuyên ngành về thương mại, đầu tư, doanh nghiệp… Tuy nhiên, dịch vụ tài chính – ngân hàng trong đó Fintech là một phần của cuộc chơi là một lĩnh vực hoạt động kinh doanh có điều kiện, được quản lý hết sức chặt chẽ, đòi hỏi mọi hoạt động phải được cấp phép, quản lý giám sát và coi trọng yếu tố tuân thủ đối với các đối tượng chịu sự quản lý. Vì vậy, đòi hỏi các cơ quan quản lý cần có phương thức ứng xử và phương pháp tiếp cận pháp lý phù hợp với lĩnh vực này.

Trên thực tế, tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có kinh nghiệm ứng xử đối với loại hình Fintech không phải ngân hàng. Trong giai đoạn 2007-2010, trước sự xuất hiện của các công ty không phải ngân hàng tham gia cung ứng một số loại hình dịch vụ thanh toán mới xuất hiện tại thời điểm đó như Ví điện tử, cổng thanh toán điện tử…, NHNN Việt Nam đã thực hiện một trong các phương thức ứng xử pháp lý được nêu tại Mục 1 đó là cho phép một số công ty được thí điểm cung ứng dịch vụ thanh toán mà chúng ta đang gọi là dịch vụ trung gian thanh toán như hiện nay. Từ thực tiễn của hoạt động thí điểm, NHNN Việt Nam đã tham mưu Chính phủ ban hành và hoàn thiện cơ sở pháp lý chính thức cho hoạt động trung gian thanh toán (Fintech trong lĩnh vực thanh toán). Tuy nhiên, thị trường Fintech tại Việt Nam đã có sự biến đổi nhanh chóng nên phương thức tiếp cận pháp lý nêu trên không còn phù hợp khi quy mô của thị trường tăng lên nhiều lần với các lĩnh vực rất đa dạng. Số lượng các công ty Fintech đã tăng gấp đôi từ khoảng 40 công ty vào cuối năm 2016 lên đến gần 200 công ty ở thời điểm hiện tại và hoạt động trong rất nhiều các lĩnh vực khác nhau như cho vay ngang hàng, chấm điểm tín dụng, quản lý tài sản, xác thực khách hàng từ xa, robot tư vấn...

Từ thực tiễn thị trường, định hướng quản lý của Nhà nước và bài học từ kinh nghiệm quốc tế, hiện nay, NHNN Việt Nam đang tiến hành triển khai song song hai phương thức tiếp cận pháp lý đối với Fintech trong lĩnh vực ngân hàng đó là: (i) cải cách quy định/pháp lý và (ii) xây dựng Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng.

Trên thực tế, việc hoàn thiện và cải cách pháp lý được các cơ quan quản lý nhà nước nói chung coi là việc làm thường xuyên và quan trọng. Tuy nhiên đối với lĩnh vực chưa có tiền lệ như Fintech, đây là một nhiệm vụ khó khăn và tiêu tốn nguồn lực do mức độ hiểu biết và nhận thức của các cơ quan quản lý đối với công nghệ, rủi ro mà Fintech mang lại còn hạn chế. Đối với một số mảng hoạt động Fintech nhất định, NHNN Việt Nam đã nhanh chóng tham mưu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định pháp lý hiện hành hay trực tiếp sửa đổi các quy định pháp lý trong phạm vi thẩm quyền của mình qua đó cho phép các hoạt động này nhanh chóng được thương mại hóa và đưa ra thị trường. Các quy định pháp lý có thể kể ra ở đây như: Nghị định 87/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 116/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Phòng chống rửa tiền theo đó cho phép các ngân hàng được thực hiện xác thực khách hàng bằng công nghệ hiện đại mà không cần gặp mặt trực tiếp (e-KYC); Thông tư 16/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng [tài khoản thanh toán](https://thitruongtaichinhtiente.vn/tai-khoan-thanh-toan-ptag.html) tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trong đó lần đầu tiên cho phép các TCTD được triển khai mở tài khoản thanh toán của cá nhân bằng phương thức điện tử; các chính sách thúc đẩy thanh toán điện tử, tiêu chuẩn cơ sở về đặc tả kỹ thuật mã QR và thẻ chip đối với thẻ nội địa, tạo cơ sở cho hoạt động thanh toán liên thông, cho phép khách hàng tại các ngân hàng khác nhau thực hiện thanh toán mua bán hàng hóa, dịch vụ một cách an toàn, thuận tiện theo tiêu chuẩn quốc tế…

Việc cải cách hay xây dựng khuôn khổ pháp lý chính thức là điều hết sức quan trọng và cốt lõi để tạo lập cơ sở pháp lý cho hoạt động của Fintech về lâu dài. Tuy nhiên, để xây dựng một khuôn khổ pháp lý chính thức thông thường sẽ phải trải qua một quy trình mất thời gian, khi các cơ quan quản lý đã hiểu rõ về bản chất và rủi ro của từng loại hình dịch vụ. Do đó, nếu chỉ thực hiện phương pháp cải cách pháp lý đơn thuần sẽ khó có thể đáp ứng được với đòi hỏi của thị trường Fintech vốn sôi động và thay đổi hàng ngày. Chính vì vậy, NHNN đã chủ động tiếp cận lĩnh vực này thông qua việc thành lập Ban Chỉ đạo về lĩnh vực Fintech vào tháng 3/2017 với mục tiêu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cũng như tạo một hệ sinh thái lành mạnh cho sự phát triển của các công ty Fintech tại Việt Nam. Cụ thể hóa mục tiêu nêu trên cũng như triển khai nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, đến nay NHNN đã phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan dự thảo Bộ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng, trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời gian tới, khi Bộ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định được Thủ tướng Chính phủ/Chính phủ thông qua, NHNN sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các nội dung chi tiết của dự thảo Nghị định theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến trình Chính phủ trong tháng 12/2021.

Cơ chế quản lý thử nghiệm Fintech được ban hành sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển các giải pháp tài chính – ngân hàng hiện đại, giá rẻ và dễ tiếp cận qua các kênh điện thoại di động hay Internet, đồng thời thúc đẩy sự nghiên cứu và đầu tư của các ngân hàng vào các giải pháp tài chính - ngân hàng hiện đại (vốn đang gặp khó khăn bởi các quy định pháp lý đã cũ), qua đó mang lại những lợi ích thiết thực cho người dân cũng như nền kinh tế, thúc đẩy mục tiêu tài chính toàn diện; một Cơ chế quản lý thử nghiệm Fintech ở quy mô và phạm vi nhỏ sẽ giúp cơ quan quản lý kiểm soát được rủi ro, bảo vệ được lợi ích của khách hàng tốt hơn, tránh được tác động tiêu cực so với việc triển khai trên quy mô rộng; thông qua Cơ chế quản lý thử nghiệm, các cơ quan quản lý Nhà nước cũng sẽ nắm bắt được thông tin và cơ sở thực tiễn của các hoạt động này, làm căn cứ để xây dựng các quy định pháp lý điều chỉnh cụ thể cho từng mảng dịch vụ.

1. **Kết luận**

Regulatory Sandbox cũng có những nhược điểm riêng. Thứ nhất, nó có thể tạo thêm gánh nặng về chi phí và nguồn lực lên các cơ quan quản lý; đặc biệt ở thị trường có quy mô nhỏ, số lượng công ty Fintech ít sẽ khiến cho chi phí duy trì Regulatory Sandbox lớn hơn lợi những lợi ích mà nó mang lại. Thứ hai, các tiêu chí của Regulatory Sandbox thường mang tính định tính, vì vậy dẫn tới việc đánh giá hồ sơ tham gia có tính chất chủ quan; điều này có thể làm tăng độ mờ của chính sách và giảm tính chắc chắn về mặt pháp lý đối với tổ chức tham gia. Ngoài ra, do những rủi ro của các giải pháp Fintech là chưa thể đong đếm chính xác nên trong quá trình thử nghiệm có thể sẽ xảy ra những rủi ro nghiêm trọng; nếu không có cơ chế miễn trách phù hợp sẽ dẫn tới những quy kết về mặt trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ quản lý sẽ khiến việc triển khai một Regulatory Sandbox thiếu đi tính thực chất và quyết liệt, đi ngược lại với tôn chỉ hỗ trợ đổi mới sáng tạo của nó.

Vì vậy, sự phát triển của lĩnh vực Fintech phụ thuộc rất lớn vào chính sách của các cơ quan quản lý. Thái độ ứng xử của các cơ quan quản lý trên thế giới đối với lĩnh vực Fintech có mức độ phức tạp và đa dạng; không có cách tiếp cận chung nào phù hợp với tất cả mọi quốc gia hoặc làm hài lòng tất cả các bên liên quan. Các cơ quan quản lý khác nhau có thể có những tinh thần khác nhau về sự đổi mới, sáng tạo; tinh thần này sẽ đóng một vai trò quan trọng trong thái độ ứng xử của họ đối với Fintech và quyết định tới chính sách điều tiết lĩnh vực này. Bên cạnh đó cần nhấn mạnh rằng, việc thiếu một khung pháp lý sẽ mang đến rủi ro không chỉ cho các nhà cung cấp dịch vụ cũng như cho khách hàng mà con cho chính các cơ quan quản lý và giám sát. Do đó, khuôn khổ pháp lý cho hoạt động Fintech có tầm quan trọng lớn và sẽ có những thay đổi theo hướng tích cực trong thời gian tới.

Ngoài ra, Regulatory Sandbox cũng không phải cách tiếp cận pháp lý duy nhất và hiệu quả nhất cho mọi quốc gia. Các Regulatory Sandbox mới chỉ hoạt động trong thời gian hơn bốn năm qua, các kết quả cũng như bài học kinh nghiệm vẫn đang được phát triển; tuy nhiên, Regulatory Sandbox chắc chắn là một bước đi đúng hướng có khả năng cải thiện đáng kể chất lượng công việc của cơ quan quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số của nền kinh tế như hiện nay. Regulatory Sandbox có thể là phương pháp tiếp cận pháp lý hiệu quả khi được thiết kế, triển khai và giám sát đúng cách, có thể mang lại những lợi ích đáng kể về mặt thiết lập thị trường Fintech; tuy nhiên cần được điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh của từng quốc gia./.

*Tài liệu tham khảo:*

* *APEC Ecomnomic Committee,Fintech Regulation Sandboxes Capacity building Summary Report, 3/2021;*
* *Wolf-Georg RINGE and Christopher RUOF, Regulating Fintech in the EU: the Case for a Guided Sandbox,2020;*
* *World Economic Forum, Addressing E-Payment Challenges in Global E-Commerce, 5/2018;*
* *KPMG, Regulation and Supervision of Fintech, 3/2019;*
* *The World Bank Group, Global Experiences from Regulatory Sandboxes, 2020;*
* *Ivo Jeník and Schan Duff , How to build a Regulatory Sandbox – a Practical guide for Policy makers; 9/2020;*
* *Tilleke&Gibbins, Fintech Law in Southeast Asia, 2020;*
* *The global City – City of London, Kalifa Review of UK Fintech;*
* *E&Y, UK FinTech:Moving mountains and moving mainstream, 2020;*
* *Fintech Regulatory Sandbox của một số Quốc gia như: Anh, Singapore, Thái Lan, Malaysia, Ấn Độ...*

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN THAM GIA KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM** |

21 Tháng Mười Hai 2016



Vụ Công nghệ Tài chính (Fintech)

Vụ Cấp phép các Tổ chức Tài chính

**NHTW Thái Lan**

ĐT: 0 2283 6924

0 2283 6818

E-mail: [FinTechDept@bot.or.th](mailto:FinTechDept@bot.or.th)

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Trang** |
| 1. LÝ DO BAN HÀNH HƯỚNG DẪN | 2 |
| 2. PHẠM VI CỦA HƯỚNG DẪN | 3 |
| 3. NỘI DUNG | 3 |
| 3.1 HƯỚNG DẪN THAM GIA VÀO KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM | 3 |
| 3.1.1 MỤC TIÊU | 3 |
| 3.1.2. CÁC NGUYÊN TẮC | 4 |
| 3.1.3. ĐỐI TƯỢNG XIN THAM GIA | 4 |
| 3.1.4. CÁC LOẠI SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ NỔI MỚI TÀI CHÍNH THUỘC KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM | 5 |
| 3.2. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ NGUYÊN TẮC ĐẶT RA TRONG KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM | 5 |
| 3.2.1. ĐIỀU KIỆN XÉT DUYỆT | 5 |
| 3.2.2. QUÁ TRÌNH XEM XÉT, XỬ LÝ TRONG KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM | 6 |
| 3.2.3. GIAI ĐOẠN THỬ NGHIỆM TRONG KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM | 7 |
| 3.2.4. TỐT NGHIỆP KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM | 7 |
| 3.2.5. HỆ QUẢ CỦA VIỆC TỐT NGHIỆP KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM | 8 |
| 3.3. QUÁ TRÌNH NỘP ĐƠN THAM GIA VÀ XÉT DUYỆT | 8 |
| 3.4. CÁCH THỨC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP FINTECH THÔNG QUA CỘNG ĐỒNG | 9 |
| 4. NGÀY HIỆU LỰC CỦA HƯỚNG DẪN | 9 |

|  |  |
| --- | --- |
| PHỤ LỤC 1: | TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ HOẶC NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN QUẢN LÝ |
| PHỤ LỤC 2 | MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM |

**HƯỚNG DẪN THAM GIA KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM**

**1. LÝ DO BAN HÀNH HƯỚNG DẪN**

Ngày nay, công nghệ đang thay đổi nhanh chóng và đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong ngành dịch vụ tài chính được gọi là “Công nghệ Tài chính hay Fintech”. Fintech được coi là nhân tố quan trọng thúc đẩy phổ cập tài chính - một trong những mục tiêu chính thuộc Kế hoạch Tổng thể lần thứ III về phát triển Ngành Tài chính do NHTW Thái Lan (BoT) ban hành và trong chính sách của Chính phủ Thái Lan nhằm thúc đẩy nền kinh tế số. Fintech sẽ giúp người tiêu dùng nhanh chóng tiếp cận tới các nguồn tiền khác hoặc sản phẩm tài chính khác nhau với giá cả minh bạch, hợp lý. Các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính, bao gồm các tổ chức tài chính và tổ chức phi ngân hàng, cũng có thể sử dụng Fintech để cải thiện quy trình xử lý và các dịch vụ hiệu quả hơn với chi phí thấp hơn, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước lẫn quốc tế. Bên cạnh đó, Fintech sẽ khai thác “Dữ liệu lớn” (Big Data) qua đó mang lại lợi ích cho các tổ chức tài chính trong việc cung ứng sản phẩm tài chính tới khách hàng cũng như hỗ trợ đánh giá mức độ rủi ro và lợi nhuận tương xứng của các sản phẩm này.

Do việc cung ứng dịch vụ tài chính liên quan đến người tiêu dùng và do đó ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính nói chung, nên hoạt động này cần phải được giám sát theo các quy định an toàn thận trọng. Tuy nhiên, các quy định này có thể gây trở ngại và làm phát sinh thêm chi phí ứng dụng Fintech trong dịch vụ tài chính. Bởi vậy, nhằm giảm bớt trở ngại này, NHTW Thái Lan muốn mở ra một cơ hội cho các nhà cung ứng dịch vụ tài chính, cả các tổ chức tài chính lẫn các tổ chức không phải ngân hàng (non-banks) để nộp đơn xin tham gia vào Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm để thử nghiệm những đổi mới tài chính của mình trong phạm vi giới hạn. Liên quan đến vấn đề này, có ba yêu cầu quan trọng đặt ra với tổ chức nộp đơn tham gia: (1) Họ phải thúc đẩy đổi mới tài chính; (2) Các tổ chức năng phải xây dựng cơ chế bảo vệ khách hàng phù hợp, đáp ứng các quyền của người tiêu dùng; và (3) Họ phải giới hạn tổn thất tài chính ở một mức có thể chấp nhận được nhằm giảm thiểu tác động tới người tiêu dùng cũng như duy trì sự ổn định tài chính nói chung. Mục tiêu của bản hướng dẫn này là đảm bảo sự phát triển bền vững của Fintech cũng như tính tin cậy và tín nhiệm của Fintech từ góc nhìn người tiêu dùng.

Bên cạnh Khuôn khổ pháp lý của NHTW Thái Lan, các công ty khởi nghiệp Fintech cũng được khuyến khích trở thành thành viên của một hiệp hội ngành nghề như Hiệp hội Fintech Thái Lan, nhằm thúc đẩy sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau giữa các tổ chức tài chính, các công ty khởi nghiệp Fintech và các cơ quan quản lý; đồng thời là bước chuẩn bị cho các công ty Fintech này tham gia vào Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm.

**2. PHẠM VI CỦA HƯỚNG DẪN**

Hướng dẫn này sẽ được áp dụng cho các tổ chức tài chính theo Luật hoạt động của Tổ chức tài chính, các tổ chức trong nhóm tài chính, các công ty phi ngân hàng dưới sự giám sát của BOT, các công ty Fintech và các công ty công nghệ, những đơn vị có dự định cung ứng các sản phẩm, dịch vụ sử dụng công nghệ mới.

**3. NỘI DUNG**

**3.1 HƯỚNG DẪN THAM GIA VÀO KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM**

**3.1.1 MỤC TIÊU**

NHTW Thái Lan định rõ cách tiếp cận quản lý trong Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm nhằm thúc đẩy các tổ chức nộp đơn (applicants) có nhu cầu ứng dụng một công nghệ mới hoặc thúc đẩy sự đổi mới (innovation) nhằm hỗ trợ cho các dịch vụ tài chính của mình, hoặc cải tiến quy trình kinh doanh được hiệu quả hơn. Các bên nộp đơn tham gia thử nghiệm có thể không chắc chắn những sản phẩm hoặc dịch vụ tài chính đổi mới sáng tạo của mình có phù hợp hoặc đáp ứng được nhu cầu thực tế của người tiêu dùng hay không và liệu các sản phẩm hoặc dịch vụ này sẽ có thể đáp ứng đầy đủ các quy định, luật lệ liên quan hay không. Bởi vậy, các tổ chức nộp đơn có thể đề nghị được thử nghiệm và cung ứng các dịch vụ, sản phẩm sáng tạo của mình trong một phạm vi hẹp hoặc môi trường kinh doanh giới hạn. NHTW Thái Lan đã đề ra một số nguyên tắc cơ bản trong Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm nhằm đạt được các mục tiêu dự kiến như sau:

(1) Khuyến khích phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính đổi mới sáng tạo nhằm cung cấp cho người tiêu dùng sự lựa chọn nhiều hơn, cho phép người dân tiếp cận dễ dàng hơn tới các dịch vụ tài chính, đồng thời tăng hiệu quả hoạt động và giảm chi phí cung ứng dịch vụ tài chính.

(2) Thúc đẩy nhiều hơn việc thử nghiệm với công nghệ tài chính trong môi trường thực tế với những khách hàng thực nhằm giảm thời gian đưa sản phẩm ra thị trường và tăng cơ hội cho các sản phẩm được chấp nhận sử dụng ở một quy mô rộng lớn hơn.

(3) Hạn chế các rủi ro có thể phát sinh từ sự đổi mới tài chính có thể tác động tới người tiêu dùng cũng như tổng thể hệ thống tài chính.

(4) Thúc đẩy việc học hỏi và trao đổi kinh nghiệm giữa tổ chức nộp đơn với cơ quan quản lý là NHTW Thái Lan phục vụ cho việc hoạch định chính sách quản lý, giám sát phù hợp và không gây cản trở sự phát triển của đổi mới tài chính ứng dụng công nghệ mới.

**3.1.2. CÁC NGUYÊN TẮC**

Việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại và ứng dụng công nghệ mới cho người tiêu dùng trong giai đoạn đầu có thể không thành công bởi một số lý do. Chẳng hạn, sản phẩm, dịch vụ có thể không phù hợp với nhu cầu của khách hàng hoặc có thể gây ra rủi ro hoặc thiệt hại với người tiêu dùng và tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính. Các luật lệ và quy định hiện hành có thể cản trở sự hình thành, phát triển các sản phẩm tài chính đổi mới mà nếu không có trở ngại đó có thể sẽ được phép cung ứng ra thị trường tài chính.

Bởi vậy, để thúc đẩy sự phát triển của đổi mới tài chính, NHTW Thái Lan thực thi chính sách Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm nhằm cho phép các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính quan tâm tới cung ứng sản phẩm, dịch vụ đổi mới sử dụng công nghệ mới để hỗ trợ được cung ứng dịch vụ tài chính tới người tiêu dùng trong một môi trường hoạt động kinh doanh giới hạn, với tập khách hàng xác địch và trong một khoảng thời gian thử nghiệm nhất định nhằm hạn chế các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh. Bên cạnh đó, NHTW Thái Lan sẽ cân nhắc cách tiếp cận quản lý tạo thuận lợi có tính linh hoạt và phù hợp với từng trường hợp xem xét cụ thể.

Tuy nhiên, NHTW Thái Lan cũng yêu cầu các tổ chức nộp đơn tham gia phải tuân thủ các quy định pháp lý liên quan tới bảo vệ người tiêu dùng và một số quy định quan trọng khác, tối thiểu phải đáp ứng những yêu cầu sau:

(1) Yêu cầu quản trị doanh nghiệp tốt đối với Ban giám đốc, giám đốc điều hành và những người có quyền quản lý (Theo Phụ lục 1);

(2) Bảo vệ thông tin cá nhân và dữ liệu khách hàng;

(3) Có cơ chế quản lý và bảo vệ phù hợp đối với tiền và tài sản của khách hàng

(4) Bảo vệ các quy trình, hệ thống công nghệ thông tin có liên quan tuân thủ các nguyên tắc CNTT cơ bản về an toàn bảo mật, tính toàn vẹn và sẵn sàng.

(5) Ngăn ngừa hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố, bao gồm cả việc phát triển các vũ khí hủy diệt hàng loạt.

**3.1.3 ĐỐI TƯỢNG NỘP ĐƠN THAM GIA**

(1) Các tổ chức tài chính, các công ty thuộc một tập đoàn tài chính và các tổ chức phi ngân hàng thuộc sự quản lý, giám sát của NHTW Thái Lan;

(2) Các công ty công nghệ tài chính hoặc các công ty công nghệ muốn cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tài chính đổi mới sử dụng công nghệ mới thuộc Mục 3.1.4. Họ có thể nộp đơn tham gia cùng với một tổ chức tài chính hoặc một tổ chức phi ngân hàng, hoặc có thể nộp đơn tham gia riêng rẽ.

**3.1.4. CÁC LOẠI DỊCH VỤ/ SẢN PHẨM TÀI CHÍNH VÀ ĐỔI MỚI TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐƯỢC THỬ NGHIỆM**

Để được xem xét tham gia vào Khuôn khổ thử nghiệm, những sản phẩm, dịch vụ tài chính và sự đổi mới tài chính hợp lệ phải có liên quan đến các dịch vụ tài chính chịu sự quản lý, cấp phép của NHTW Thái Lan như sau:

1. Vay vốn (Borrowings)
2. Thanh toán (Payments)
3. Các dịch vụ sản phẩm, dịch vụ tài chính hoặc những đổi mới tài chính khác tương tự có kết nối hoặc liên quan tới hai (02) dịch vụ nêu tại điểm (1) và (2) của Mục 3.1.4;
4. Các sản phẩm, dịch vụ tài chính khác trong trường hợp được phép của NHTW Thái Lan.

**3.2. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ NGUYÊN TẮC TRONG KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM**

**3.2.1. ĐIỀU KIỆN CHẤP THUẬN**

(1) Bên nộp đơn phải là một pháp nhân được đăng ký tại Thái Lan, sở hữu nguồn vốn đầy đủ, hợp lệ và có nguồn nhân lực đủ năng lực và kinh nghiệm hỗ trợ cung ứng các sản phẩm, dịch vụ của mình.

(2) Ban giám đốc, các giám đốc điều hành và những người quản lý có thẩm quyền phải điều hành theo mô hình quản trị doanh nghiệp tốt và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện do NHTW Thái Lan quy định trong suốt thời gian tham gia Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm (Phụ lục đính kèm số 1).

(3) Trong trường hợp các luật, quy định đòi hỏi bên nộp đơn phải thông báo, đăng ký hoặc xin giấy phép cho sản phẩm, dịch vụ của mình, bên nộp đơn sẽ phải tuân thủ theo các luật, quy định liên quan đó.

(4) Các sản phẩm, dịch vụ tài chính được nêu tại Mục 3.1.4 nếu được thử nghiệm trong Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm sẽ phải sử dụng công nghệ mới mà có thể là sản phẩm, dịch vụ đổi mới chưa từng được cung ứng trước đó hoặc không giống với bất kỳ một sản phẩm, dịch vụ tài chính nào đã từng cung ứng tại Thái Lan, bao gồm cả sự đổi mới ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao tính hiệu quả của các sản phẩm, dịch vụ hiện hữu.

(5) Bên nộp đơn phải có nhu cầu thực sự về thử nghiệm đổi mới trong Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm và mong muốn cung ứng các dịch vụ đổi mới đó tới đông đảo người tiêu dùng sau khi hoàn tất thử nghiệm trong Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm.

(6) Bên nộp đơn phải có bước nghiên cứu, tìm hiểu về chứng minh khái niệm (proof of concept) cho thấy tính khả thi của sản phẩm, dịch vụ đổi mới sẽ được thử nghiệm, bao gồm cả việc tìm hiểu các quy định liên quan nhằm cung cấp thông tin giúp NHTW Thái Lan có cơ sở xem xét nới lỏng áp dụng quy định hiện hành. Hơn nữa, người nộp đơn cần tìm hiểu về các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ đó, và bên nộp đơn có thể áp dụng kết quả đánh giá rủi ro hoặc công trình nghiên cứu từ những nguồn khác.

**3.2.2 QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TRONG KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM**

(1) Bên nộp đơn sẽ phải có các biện pháp bảo vệ người tiêu dùng thông qua cân nhắc 4 quyền cơ bản của người tiêu dùng:

(1.1) Khách hàng sẽ nhận được thông tin đầy đủ, chính xác để tự mình ra quyết định;

(1.2) Khách hàng được quyền lựa chọn dịch vụ tài chính mà mình mong muốn;

(1.3) Trong trường hợp khách hàng gặp phải bất kỳ một vướng mắc gì hoặc có khiếu nại, Bên nộp đơn sẽ phải cung cấp các kênh khiếu nại hoặc các biện pháp giải quyết khiếu nại phù hợp để giải quyết các khiếu nại này;

(1.4) Nếu sau khi điều tra, trường hợp phát sinh không phải do lỗi từ phía khách hàng, khách hàng đó phải được bồi thường thỏa đáng.

(2) Bên nộp đơn phải thiết lập cơ chế theo dõi, kiểm soát thích hợp cũng như hệ thống quản lý rủi ro bao gồm cả rủi ro công nghệ thông tin và rủi ro an ninh mạng. Bên cạnh đó, bên nộp đơn phải có cơ chế quản lý thích hợp đối với tiền và tài sản khách hàng, thông tin khách hàng và thông tin bí mật khách hàng.

Trong trường hợp thấy cần phải điều chỉnh hoặc thay đổi công nghệ của mình trong giai đoạn thử nghiệm của Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm, bên nộp đơn cần phải thông báo trước cho NHTW Thái Lan; và thông báo lý do cho sự thay đổi, điều chỉnh đó.

(3) Bên nộp đơn phải công bố thông tin đầy đủ, chính xác về dịch vụ cung ứng và thông báo cho khách hàng rằng đây chỉ chỉ là sự thử nghiệm trong Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm và có một số giới hạn, điều kiện nhất định đối với dịch vụ này trong quá trình thử nghiệm.

(4) Bên nộp đơn phải tuân thủ các luật liên quan, bao gồm Luật giao dịch điện tử, Luật phòng chống rửa tiền, Luật chống tài trợ khủng bố và cấm phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

(5) Bên nộp đơn phải nộp báo cáo thử nghiệm lên NHTW Thái Lan theo mẫu, khung thời gian và tần suất báo cáo như đã thống nhất. Báo cáo bày phải bao gồm các chỉ số, dữ liệu thống kê và dữ liệu rủi ro, bất cứ sai sót nào phát sinh trong hệ thống, bất kỳ gian lận hay khiếu nại nào từ khách hàng cùng các biện pháp đã thực hiện để loại trừ những rủi ro hoặc sai sót này. Bên nộp đơn phải gửi báo cáo trong suốt thời gian trải nghiệm và sau kết thúc thử nghiệm.

**3.2.3. GIAI ĐOẠN THỬ NGHIỆM TRONG KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM**

Khoảng thời gian thử nghiệm sẽ là khoảng thời gian được quy định trong kế hoạch thử nghiệm đã được NHTW Thái Lan chính thức phê duyệt.

NHTW Thái Lan có thể cân nhắc kéo dài thời gian thử nghiệm cho Bên nộp đơn mong muốn có được sự chấp thuận từ NHTW Thái Lan ít nhất trước 30 ngày kể từ ngày kết thúc giai đoạn thử nghiệm; miễn là Bên nộp đơn phải thông báo cho NHTW Thái Lan lý do xin gia hạn và khoảng thời gian mà họ muốn kéo dài thêm.

NHTW Thái Lan bảo lưu quyền chấm dứt giai đoạn thử nghiệm trong Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm trước khi thời hạn đã thống nhất nếu NHTW Thái Lan thấy rằng sản phẩm, dịch vụ đổi mới đó có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của khách hàng hoặc gây ra tổn hại tới hệ thống tài chính nói chung.

Tại thời điểm kết thúc giai đoạn thử nghiệm hoặc tại thời điểm chấm dứt giai đoạn thử nghiệm do NHTW Thái Lan xác định căn cứ theo nội dung quy định tại khổ 3 Mục này, Bên nộp đơn phải ngay lập tức rời khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm theo quy định tại Mục 3.2.4.

**3.2.4. RỜI KHỎI KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM (KẾT THÚC THỬ NGHIỆM)**

Bên nộp đơn có thể rời khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm trong các trường hợp sau:

(1) **Bên nộp đơn hoàn tất thử nghiệm và sẵn sàng cung ứng dịch vụ ra thị trường Thái Lan**. Trong trường hợp này, Bên nộp đơn phải đáp ứng những điều kiện sau:

(1.1) Kết quả thử nghiệm đạt được mục tiêu đề ra trong kế hoạch thử nghiệm đã nộp lên NHTW Thái Lan; và

(1.2) Bên nộp đơn có thể tuân thủ theo khuôn khổ pháp lý hiện hành do NHTW Thái Lan quy định trên cơ sở thường xuyên liên tục.

(2) **Bên nộp đơn thất bại trong việc thử nghiệm và phải dừng cung ứng dịch vụ**. Kết quả thử nghiệm không đạt được mục tiêu đề ra trong kế hoạch thử nghiệm đã nộp lên NHTW Thái Lan;

(3) **Bên nộp đơn bị khiếu nại hoặc gặp lỗi phát sinh từ sản phẩm, hoạt động kinh doanh hoặc hệ thống IT của đơn vị, và Bên nộp đơn không thể giải quyết được khiếu nại đó hoặc xử lý được lỗi phát sinh đó**.

(4) **Bên nộp đơn không thể đáp ứng được các điều kiện thử nghiệm đã thống nhất với NHTW Thái Lan trong giai đoạn thử nghiệm của Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm.**

(5) **Bên nộp đơn tự nguyện bày tỏ ý định xin rút khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm.**

**3.2.5 HỆ QUẢ CỦA VIỆC RỜI KHỎI KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM**

(1) Việc nới lỏng quy định pháp lý mà NHTW trao cho bên nộp đơn trong suốt giai đoạn thử nghiệm của Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm sẽ bị chấp dứt.

(2) Trong trường hợp Bên nộp đơn rời khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm theo quy định tại Mục 3.2.4 (1), Bên nộp đơn cần nộp đơn xin chấp thuận từ NHTW Thái Lan để được cung ứng dịch vụ đa vượt qua đợt thử nghiệm thành công trong khoảng thời gian xác định.

(3) Trong trường hợp Bên nộp đơn phải rời khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm theo quy định từ Mục 3.2.4 (2) tới 3.2.4 (5), Bên nộp đơn phải:

(3.1) Dừng giới thiệu hoặc dừng cung ứng dịch vụ tài chính tới những khách hàng mới và ngừng cung ứng thêm dịch vụ bổ sung tới các khách hàng hiện hữu, trừ những dịch vụ đã được chỉ rõ trong hợp đồng dịch vụ hiện hành.

(3.2) Thông báo trước cho khách hàng trước khi chấm dứt dịch vụ của mình và phải đảm bảo rằng bốn quyền của khách hàng như đã đề cập ở trên được thực thi. Ngoài ra, bên nộp đơn phải tuân thủ kế hoạch rút lui khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm đã đề xuất lên NHTW Thái Lan.

(3.3) Báo cáo kết quả hoạt động theo quy định tại Mục 3.2.5 (3.1) và 3.2.5 (3.2) tới NHTW Thái Lan trong vòng 30 ngày kể từ ngày mà Bên nộp đơn ngừng thử nghiệm. Báo cáo phải bao gồm đầy đủ thông tin về các giao dịch chưa thực hiện hoặc số tiền đền bù phải trả cho khách hàng hàng (nếu có).

**3.3. NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ VÀ QUÁ TRÌNH CHẤP THUẬN**

Bên nộp đơn phải đệ trình Đơn xin tham gia Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm về Công nghệ Tài chính (Fintech) tới NHTW Thái Lan. Đơn tham gia cần thể hiện rõ kế hoạch thử nghiệm, quy trình thủ tục và loại công nghệ thông tin được sử dụng. Ví dụ như phạm vi thử nghiệm, số lượng và nhóm khách hàng hướng tới, cũng như giai đoạn thử nghiệm đề xuất (không quá 1 năm) cần được phải được nêu rõ nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh ảnh hưởng tới người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Bên nộp đơn phải đảm bảo rằng có các biện pháp phù hợp được thiết lập để bảo vệ các quyền của người tiêu dùng, bao gồm quyền được có các thông tin liên quan để ra quyết định và việc bảo vệ thông tin cá nhân và dữ liệu khách hàng. NHTW Thái Lan có thể góp ý cho bên nộp đơn để điều chỉnh kế hoạch thử nghiệm cho phù hợp.

Bên nộp đơn phải có kế hoạch rời khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm và kế hoạch chuyển tiếp rõ ràng cho cả việc mở rộng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ, đặc biệt là kế hoạch thông tin truyền thông và giải đáp vướng mắc với khách hàng.

Bên nộp đơn phải đệ trình Đơn tham gia và các tài liệu hỗ trợ khác như quy định tại Phụ lục 2, lên NHTW Thái Lan. Sau khi nhận được đầy đủ thông tin, NHTW Thái Lan sẽ thông báo cho Bên nộp đơn về việc xem xét, giải quyết hồ sơ trong vòng 45 ngày làm việc.

**3.4 CÁCH THỨC HỖ TRỢ CÔNG TY KHỞI NGHIỆP FINTECH THÔNG QUA HIỆP HỘI NGÀNH NGHỀ**

NHTW Thái Lan khuyến khích các công ty khởi nghiệp Fintech tham gia vào cộng đồng/ hiệp hội ngành nghề mà có sự hợp tác giữa các tổ chức tài chính, cơ quan Chính phủ và các tổ chức khu vực tư, ví dụ như Hiệp hội Fintech Thái Lan. Do những công ty khởi nghiệp Fintech có thể cần có thêm kinh nghiệm hoặc kiến thức liên quan đến các luật lệ, quy định liên quan; hoặc cần hỗ trợ tài chính bổ sung từ các vườn ươm khởi nghiệp, các tổ chức tài chính hoặc các cơ quan quản lý có liên quan khác trước khi nộp đơn tham gia vào Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm của NHTW Thái Lan. Nhằm đạt được sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cơ quan quản lý,các tổ chức tài chính và doanh nghiệp Fintech, NHTW Thái Lan sẽ sẵn sàng tham mưu, cung cấp hướng dẫn liên quan đến Khuôn khổ pháp lý này cũng như hợp tác với các cơ quan liên quan để hỗ trợ thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo của Fintech.

**4. NGÀY HIỆU LỰC CỦA HƯỚNG DẪN**

Hướng dẫn này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 21/12/2016.

**PHỤ LỤC 1**

TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ HOẶC NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN QUẢN LÝ

Giám đốc, người quản lý hoặc người có thẩm quyền quản lý của Bên nộp đơn dự kiến tham gia vào Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm cần phải đạt những tiêu chuẩn sau:

1. TRUNG THỰC VÀ RÕ RÀNG
2. Thực hiện nhiệm vụ trung thực và rõ ràng

(2) Không phân biệt đối xử, không lợi dụng người tiêu dùng và không tham gia vào việc đưa ra các quyết định về hoạt động có liên quan đến lợi ích của họ để tránh xung đột lợi ích

(3) Không được có hoặc tham gia vào các hoạt động phi pháp, hoặc có hành vi lừa dối người khác hoặc công chúng.

(4) Chưa bị kết án ngồi tù về tội lừa đảo tài sản.

(5) Không bị buộc tội hoặc đấu tố hoặc truy tố về việc có hành vi lừa gạt, gian dối tài chính bởi BOT, SEC và các cơ quan chính phủ Thái hoặc cơ quan nước ngoài khác.

(6) Chưa từng làm giám đốc, người quản lý hoặc người có thẩm quyên quản lý tại một tổ chức bị thu hồi giấy phép trước đây.

(7) Không tham gia vào các hoạt động phi pháp theo Luật liên quan đến phòng chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố, bao gồm cả hoạt động phát triển vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. KIẾN THỨC, KHẢ NĂNG VÀ KINH NGHIỆM

(1) Sử dụng khả năng và tính hiệu quả trong việc ra quyết định trên cơ sở đầy đủ thông tin để đưa ra các định hướng kinh doanh phù hợp cho doanh nghiệp.

(2) Không thực hiện các hành vi khiến người khác nghi ngờ về sự phù hợp, khả năng và tính hiệu quả trong việc đưa ra các quyết định

3. THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Chưa bao giờ tuyên bố phá sản hoặc bị phá sản trong trong hơn 5 năm.

**PHỤ LỤC 2**

MẪU ĐĂNG KÝ THAM GIA VÀO KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ THỬ NGHIỆM

|  |  |
| --- | --- |
| Thông tin của Bên Nộp đơn | |
| Thông tin của Bên Nộp đơn   * Tổ chức tín dụng * Tổ chức thuộc tập đoàn tài chính * Tổ chức phi ngân hàng dưới sự giám sát của NHTW Thái (Đề nghị nêu rõ…..) * Công ty Fintech * Khác (ví dụ Công ty công nghệ). Đề nghị nêu rõ............................ | |
| Tên công ty/pháp nhân |  |
| Tên đầy đủ của giám đốc được ủy quyền đại diện |  |
| Địa chỉ |  |
| Số điện thoại |  |
| Địa chỉ thư điện tử (Email) |  |
| Website |  |
| Hoạt động chính của công ty/pháp nhân |  |
| Kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan đến giao dịch tài chính |  |
| Kinh nghiệm trong việc phát triển đổi mới nhằm hỗ trợ dịch vụ tài chính |  |
| Các kinh nghiệm liên quan khác như:  -Tham gia với tư cách đơn vị ươm tạo, thúc đẩy  -Tham gia trình diễn tại các sự kiện  -Giải thưởng dành được, ghi rõ: |  |
| Thành viên của Nhóm/Hiệp Hội (ví dụ như Hiệp hội Fintech Thái Lan) |  |
| Tên, quốc tịch và tỉ lệ sở hữu của những cổ đông chính |  |
| Nguồn vốn thực hiện thử nghiệm |  |
| Tên của người điều phối/Số liên lạc/Email/Fax |  |
| Các thông tin cần thiết khác (nếu cần) |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Thông tin của Đổi mới Fintech sẽ được thử nghiệm | |
| Đề nghị điền đầy đủ thông tin liên quan đến Fintech sẽ được thử nghiệm trong Khuôn khổ pháp lý thử nghiệp đính kèm với các tài liệu hỗ trợ (nếu có) | |
| 1. Tên của Fintech đổi mới sáng tạo |  |
| 2. Tên của loại hình đổi mới (ví dụ giao dịch cho vay hoặc thanh toán) |  |
| 3. Đề nghị ghi chi tiết và mô tả về Fintech và so sánh về sự giống nhau và khác nhau của Fintech đổi mới với các sản phẩm/dịch vụ hiện tại. |  |
| 4. Đề nghị nêu chi tiết mối quan hệ với tổ chức tài chính hoặc phi ngân hàng (nếu có) |  |
| 5. Công nghệ sẽ được sử dụng và so sánh công nghệ này với các công nghệ hiện nay |  |
| 6. Dự toán chi phí sẽ được sử dụng trong đợt trải nghiệm  6.1. Chi phí công nghệ  6.2. Chi phí khác |  |
| 7. Dự kiến các lợi ích có được  7.1. Lợi ích với bên cung ứng dịch vụ  7.2. Lợi ích với khách hàng  7.3. Lợi ích với hệ thống tài chính hoặc với quốc gia |  |
| 8. Các điều chỉnh cần thiết để tham gia vào Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm (ví dụ như cầu nới lỏng từ khuôn khổ pháp lý hiện hành) |  |
| 9. Kết quả từ đợt thử nghiệm trước của Fintech đổi mới hoặc kết quả của việc phân tích hoặc đánh giá của bên thứ ba |  |
| 10. Phạm vi của đợt thử nghiệm như  10.1. Đối tượng khách hàng hướng tới (loại hình, hoạt động và số lượng khách hàng)  10.2. Số lượng giao dịch (tổng số lượng và tổng giá trị các giao dịch)  10.3. Giai đoạn thử nghiệm của Khuôn khổ pháp lý (ngày bắt đầu và ngày kết thúc)  10.4. Khác |  |
| 11. Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo tính tuân thủ toàn diện với phạm vi của đợt thử nghiệm đã đề ra |  |
| 12. Kết quả dự kiến hoặc mục tiêu từ đợt thử nghiệm và các chỉ số |  |
| 13. Các rủi ro có thể xuất hiện và cách thức tiếp cận với các rủi ro này |  |
| 14.Việc quản lý an toàn bảo mật công nghệ thông tin. Nếu hệ thống IT của Bên nộp đơn đã đạt tiêu chuẩn quốc tế, đề nghị nêu rõ loại tiêu chuẩn nào được đăng ký và làm rõ phạm vi của tiêu chuẩn |  |
| 15. Phương thức bảo vệ khách hàng  15.1.Phương thức minh bạch thông tin, kênh giao tiếp với khách hàng, và việc ghi nhận các khiếu nại cũng như bồi thường tới khách hàng  15.2 Cơ chế bảo mật thông tin khách hàng |  |
| 16. Kế hoạch chiến lược hoặc lộ trình cung ứng dịch vụ ra thị trường sau khi rời khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm |  |
| 17. Kế hoạch rời khỏi Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm và chính sách chuyển đổi |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Các quy định liên quan và đề xuất hỗ trợ từ NHTW Thái Lan | |
| * Quy định của NHTW Thái Lan mà Bên nộp đơn cần phải điều chỉnh nới lỏng |  |
| * Các hỗ trợ khác từ NHTW Thái Lan |  |

Khuyến nghị và các Ý kiến bổ sung

|  |
| --- |
|  |

Một khi Bên Nộp đơn được phê duyệt để tham gia vào Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm, Bên nộp đơn đồng ý phải tuân thủ theo các quy định của NHTW Thái Lan tuân theo Hướng dẫn tham gia vào Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm ban hành ngày 21/12/2016 và các quy định liên quan khác

***(Ký tên/ Đóng dấu)***

Các tài liệu hỗ trợ cho việc tham gia và Khuôn khổ pháp lý thử nghiệm cho Bên nộp đơn mà không phải là một tổ chức tín dụng

* Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty ( 1 bản)
* Bản sao bản ghi nhớ của Hiệp hội tham gia (1 bản)
* Bản sao các bài báo của Hiệp hội (1 bản)
* Bản sao sổ đăng ký cổ đông (1 bản)
* Giấy chứng nhận gần nhất của Bộ Thương mại (1 bản)
* Cấu trúc tổ chức (đề nghị nêu rõ tên và ảnh của tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc và tổng giám đốc khác của tổ chức)

Các tài liệu liên quan đến thông tin tài chính của Bên Nộp đơn như bản sao của sao kê tài khoản tiết kiệm tại ngân hàng hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của công ty (trong trường hợp đã là một công ty).

**QUY ĐỊNH CƠ CHẾ SANDBOX CỦA MALAYSIA**

**Phần A: TỔNG QUAN**

**1. Mục tiêu và nguyên tắc**

1.1. Các tiến bộ trong lĩnh vực fintech đã mang đến nhiều mô hình kinh doanh và giải pháp mới giúp nâng cao giá trị và trải nghiệm cho khách cũng như hiệu quả, khả năng quản lý rủi ro của các tổ chức tài chính.

1.2 NHTW Malaysia (BNM) muốn mang lại một môi trường pháp lý hỗ trợ cho việc triển khai các giải pháp fintech, bao gồm rà soát, điều chỉnh các yêu cầu, thủ tục pháp lý có thể hạn chế hoặc làm thui chột đổi mới sáng tạo (ĐMST). Theo đó, BNM đề ra Cơ chế sandbox về fintech (sandbox) để khuyến khích ĐMST trong lĩnh vực fintech được triển khai, kiểm nghiệm trong môi trường thực, trong phạm vi kỹ thuật và thời gian cụ thể.

1.3. Rủi ro và thất bại là một phần tất yếu của ĐMST. Do sandbox vận hành trong môi trường thực, thất bại có thể dẫn đến tổn thất hoặc các rủi ro khác đối với đơn vị tham gia sandbox và khách hàng. Vì vậy, sandbox bắt buộc phải có các biện pháp phòng ngừa phù hợp để quản lý rủi ro và kiểm soát hậu quả của thất bại.

1.4. Sandbox không thể được dùng để lách các quy định pháp lý hiện hành, vì vậy nó không phù hợp cho các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp đã được khung pháp lý hiện hành giải quyết. Đối với các đối tượng không phù hợp để tham gia thử nghiệm, BNM sẽ đóng vai trò hướng dẫn không chính thống đối với doanh nghiệp (DN - gọi chung cho tổ chức tài chính,DN fintech) để điều chỉnh giải pháp sao cho phù hợp quy định hiện có. Biện pháp này phù hợp khi giải pháp đã được điều chỉnh không làm giảm đáng kể giá trị của giải pháp ĐMST đó.

1.5. Khi xem xét đơn của DN, loại hình, mức độ linh hoạt về pháp lý mà DN xin phép BNM sẽ dựa trên ít nhất các tiêu chí sau:

(a) Lợi ích tiềm năng của sản phẩm, dịch vụ, giải pháp được đề xuất;

(b) Rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp giảm thiểu; và

(c) Tính chính trực, năng lực, và lịch sử hoạt động của DN.

1.6. BNM sẽ cân nhắc cho phép số lượng DN thử nghiệm trong sandbox vào một thời điểm bất kỳ vừa đủ để có thể hỗ trợ, hướng dẫn và giám sát hiệu quả.

1. **Pháp luật và Đối tượng điều chỉnh**

2.1 Cơ chế này áp dụng đối với:

(a) Một định chế tài chính theo quy định tại điểm 4.1;

(b) Một công ty fintech theo quy định tại điểm 4.1 kết hợp với một định chế tài chính; và

(c) Một công ty fintech có ý định thực hiện:

(i) Một mô hình kinh doanh được đăng ký như định nghĩa tại Luật Dịch vụ tài chính 2013 (FSA) và

(ii) Một mô hình kinh doanh được đăng ký như định nghĩa tại Luật Dịch vụ Tài chính Hồi giáo 2013 (IFSA); hoặc

(iii) Một mô hình kinh doanh dịch vụ tiền tệ như định nghĩa tại Luật Kinh doanh dịch vụ tiền tệ 2011 (MSBA).

1. **Ngày hiệu lực:** Từ 18/10/2016
2. **Giải thích từ ngữ**

4.1. Các từ ngữ trong văn bản này được hiểu như sau:

* “DN xin phép” là một định chế tài chính độc lập hoặc kết hợp với một công ty fintech hoặc một công ty fintech độc lập có ý định hoặc đã có đơn xin tham gia sandbox;
* “Fintech” là các ĐMST về công nghệ được dùng trong việc cung cấp dịch vụ tài chính;
* “Công ty Fintech” là một công ty không phải định chế tài chính triển khai hoặc có kế hoạch triển khai các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp;
* “Dịch vụ tài chính” là hoạt động kinh doanh được đăng ký, cấp phép bởi FSA, IFSA và MSBA tùy theo từng trường hợp;
* “Định chế tài chính” là:

(a) Một cá nhân được cho phép hoặc đăng ký theo Luật FSA;

(b) Một cá nhân được cấp phép theo luật IFSA;

(c) Một đối tượng được cấp phép theo luật MSBA; và

(d) Một định chế được quy định tại luật DFIA.

* “Định chế tham gia” là một định chế tài chính đã được BNM chấp thuận tham gia sandbox;
* “Công ty fintech tham gia” là một công ty fintech đã được BNM chấp thuận tham gia sandbox;
* “DN tham gia” là khái niệm chung để chỉ các định chế tham gia và Công ty fintech tham gia;
* “Sandbox” là một môi trường thực, có kiểm soát, trong đó các DN tham gia có thể thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp tuân theo các yêu cầu của Cơ chế này.

**Phần B: YÊU CẦU**

1. **Điều kiện**

5.1 Một DN xin phép phải thể hiện được các yếu tố sau:

(a) Sản phẩm, dịch vụ giải pháp thực sự mang tính ĐMST, có tiềm năng rõ ràng về:

i. Nâng cao khả năng tiếp cận, hiệu năng, an ninh và chất lượng trong việc cung cấp dịch vụ tài chính;

ii. Nâng cao hiệu năng, hiệu quả trong hoạt động quản lý rủi ro của các định chế tài chính Malaysia; hoặc

iii. Giải quyết các bất cập hay mở ra cơ hội mới cho việc cung cấp nguồn tài chính hoặc đầu tư trong nền kinh tế Malaysia;

(b) DN xin phép đã thực hiện đánh giá đầy đủ, hợp lý để thể hiện tính hữu dụng và khả năng triển khai của dịch vụ, sản phẩm, giải pháp và nhận diện được các rủi ro đi kèm;

(c) DN xin phép có nguồn lực cần thiết để tiến hành việc thử nghiệm trong sandbox, bao gồm các nguồn lực, năng lực cần để giảm thiểu và kiểm soát rủi ro tiềm tàng và tổn thất phát sinh từ việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp đó;

(d) DN xin phép có kế hoạch kinh doanh thực tế để triển khai sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp ở quy mô thương mại ở Malaysia sau khi kết thúc sandbox;

(e) Việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp không trái (một phần hoặc hoàn toàn) với luật, quy định, tiêu chuẩn do BNM ban hành. Trong các trường hợp như vậy, BNM có thể cân nhắc cho phép giảm yêu cầu tuân thủ nhằm mục đích thử nghiệm một sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp được đề xuất mang lại giá trị đáng kể; và

(f) Lãnh đạo của DN xin phép phải có uy tín và liêm chính.

5.2 Công ty Fintech kết hợp với các định chế tài chính có thể có thêm lợi thế từ sự hướng dẫn và hỗ trợ do các định chế cung cấp về các yêu cầu pháp lý và giảm thiểu rủi ro khi xin phép thử nghiệm sandbox.

5.3. Các công ty fintech có tiềm năng đóng góp đáng kể vào việc tạo việc làm giá trị gia tăng cao ở Malaysia sẽ được ưu tiên hơn.

1. **Rủi ro tiềm ẩn và biện pháp phòng ngừa**

6.1 DN xin phép phải xác định các rủi ro tiềm ẩn đối với các định chế tài chính và người tiêu dùng tài chính có thể phát sinh từ việc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, giải pháp trong sandbox và đề xuất các biện pháp phù hợp để xử lý các rủi ro đã xác định.

6.2 Khi đánh giá rủi ro và các biện pháp quản lý, BNM sẽ xem xét đến các yếu tố:

(a) Duy trì các hoạt động kinh doanh và tài chính lành mạnh đảm bảo ổn định tài chính, tiền tệ;

(b) Thúc đẩy quy chế đối xử công bằng đối với người tiêu dùng;

(c) Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;

(d) Bảo vệ bí mật thông tin khách hàng;

(e) Thúc đẩy sự an toàn, tin cậy và hiệu quả của cá hệ thống, công cụ thanh toán;

(f) Đảm bảo các giải pháp ĐMST cho dịch vụ tài chính Hồi giáo tuân thủ các tiêu chuẩn Shariah hiện hành; và

(g) Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh cho các sản phẩm và dịch vụ tài chính.

6.3 Các biện pháp phòng ngừa nêu tại điểm 6.1 và 6.2 có thể gồm ít nhất các điểm sau:

(a) Cung cấp thông tin đầy đủ về các rủi ro tiềm ẩn đối với khách hàng tham gia sandbox và xác nhận của khách hàng rằng họ hiểu đầy đủ và chấp nhận rủi ro;

(b) Hạn chế số lượng khách hàng tham gia sandbox và/hoặc tổng giá trị hoặc tần suất giao dịch;

(c) Giới hạn sự tham gia của khách hàng theo một tiêu chí hoặc tập khách hàng nào đó;

(d) Giới hạn thời hạn thử nghiệm;

(e) Cung cấp cơ chế bồi hoàn cho khách hàng, bao gồm khả năng DN tham gia sandbox đền bù tổn thất tài chính cho khách hàng trong các tình huống đã được quy định rõ; và

(f) Dành nguồn lực phù hợp để thực hiện thử nghiệm và thực thi các biện pháp giảm thiểu rủi ro đã được minh chứng có hiệu quả trong kiểm soát hậu quả của thất bại.

1. **Yêu cầu đăng ký**

7.1. Hồ sơ

(a) Thư xin phép do Tổng giám đốc DN xin phép hoặc người được ủy quyền ký;

(b) Mẫu đăng ký đã hoàn thiện theo mẫu tại Phụ lục I; và

(c) Các tài liệu liên quan chứng minh cho thông tin khai tại mẫu đăng ký.

7.2 DN xin phép cung cấp các kết quả kỳ vọng chủ yếu của thử nghiệm và các chỉ tiêu phù hợp để đo lường các kết quả đó.

7.3. BNM sẽ thông báo DN xin phép về các điều kiện tham gia sandbox trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn. Sau đó, BNM sẽ làm việc với DN về:

(a) Các thông số thử nghiệm như phạm vi, thời hạn, các miễn giảm pháp lý, và tần suất báo cáo;

(b) Các biện pháp cụ thể quyết định đến thành công hay thất bại của thử nghiệm cuối thời kỳ thử nghiệm;

(c) Chiến lược ra khỏi cơ chế thử nghiệm nếu thử nghiệm thất bại hoặc bị ngừng; và

(d) Kế hoạch chuyển đổi để triển khai sản phẩm, dịch vụ, giải pháp trên quy mô thương mại sau khi kết thúc thử nghiệm thành công.

7.4 Chi tiết quá trình xin phép quy định tại Phụ lục II

7.5 Hồ sơ xin phép gửi về Pengarah Jabatan Pembangunan Sektor Kewangan Bank Negara Malaysia Jalan Dato' Onn 50480 Kuala Lumpur Email: [fintech@bnm.gov.my](mailto:fintech@bnm.gov.my)

7.6. Khuyến khích DN nộp hồ sơ điện tử.

1. **Thông tin và báo cáo**

8.1. Trong quá trình thử nghiệm DN phải cung cấp thông tin có liên quan.

8.2. DN phải lưu trữ hồ sơ, tài liệu để BNM có thể rà soát việc thử nghiệm.

**Báo cáo thường xuyên**

8.3 DN tham gia phải nộp báo cáo thường xuyên về tiến triển của thử nghiệm gồm các thông tin sau:

(a) Các tiêu chí hoạt động chủ chốt, các cột mốc then chốt và số liệu thống kê;

(b) Các vấn đề chủ yếu phát sinh từ lừa đảo đến vướng mắc vận hành; và

(c) Các hành động hoặc bước đã triển khai để xử lý các vấn đề nêu tại điểm 8.3(b).

8.4 Tần suất và các thông tin chi tiết khác sẽ theo thỏa thuận giữa DN và BNM tùy theo thời hạn, độ phức tạp, quy mô và rủi ro liên quan.

**Báo cáo tổng kết**

8.5 DN tham gia phải nộp báo cáo tổng kết có các thông tin sau trong vòng 30 ngày theo lịch trước khi hết thời hạn thử nghiệm::

(a) Các kết quả then chốt, các chỉ tiêu kết quả hoạt động chủ chốt so với các thước đo thành công hay thất bại của thử nghiệm và các phát hiện thu được;

(b) Toàn bộ các biên bản sự cố và xử lý khiếu nại của khách hàng; và

(c) Các bài học rút ra trong trường hợp thử nghiệm thất bại.

**Xác nhận báo cáo**

8.6 Các báo cáo nói trên đều phải được Tổng giám đốc DN tham gia xác nhận.

8.7 Trong trường hợp một định chế và một công ty fintech đồng thử nghiệm, các báo cáo phải được tổng giám đốc của cả hai bên xác nhận.

1. **Hết hạn chấp thuận**

9.1 Khi hết hạn thử nghiệm, việc chấp thuận tham gia và các miễn giảm pháp lý mà DN tham gia được hưởng sẽ tự động hết hiệu lực, trừ khi DN đó đã nhận được quyết định kéo dài thử nghiệm.

9.2 Thời kỳ thử nghiệm đầu tiên không vượt quá 12 tháng từ ngày bắt đầu thử nghiệm. Để gia hạn, DN tham gia cần nộp hồ sơ xin phép đến BNM không muộn hơn 30 ngày theo lịch trước khi hết hạn thử nghiệm. Hồ sơ cần nêu rõ thời gian thử nghiệm cần kéo dài và lý do. Để tránh ảnh hưởng đến thị trường, nhìn chung BNM sẽ không chấp nhận gia hạn cho DN tham gia trừ khi giải pháp thử nghiệm tích cực và DN chứng minh được việc gia hạn là cần thiết để xử lý các vấn đề hoặc rủi ro cụ thể mà thử nghiệm đã phát hiện ra.

9.3 Khi hoàn thành thử nghiệm, BNM sẽ quyết định có hay không cho phép sản phẩm, dịch vụ, giải pháp được đưa ra thị trường trên quy mô lớn hơn. Nếu được cho phép, Công ty fintech tham gia định thực hiện các hoạt động kinh doanh được quản lý Nhà nước sẽ được đánh giá dựa trên yêu cầu về giấy phép, chấp thuận hay đăng ký kinh doanh theo quy định các luật FSA, IFSA and MSBA, tùy từng trường hợp.

9.4 BNM có thể cũng cấm DN triển khai sản phẩm, dịch vụ, giải pháp trên thị trường hi kết thúc thử nghiệm vì các lý do sau:

(a) Thử nghiệm không thành công theo các chỉ tiêu đo lường đã thống nhất; hoặc

(b) Sản phẩm, dịch vụ, giải pháp có hậu quá tiêu cực không lường trước đối với công chúng hoặc/và ổn định tài chính. Trường hợp này, DN phải tuân thủ các nghĩa vụ tại điểm 10.4.

1. **Hủy chấp thuận**

10.1 BNM có quyền rút lại quyết định chấp thuận DN tham gia vào sandbox trước khi hết hạn nếu DN:

(a) Không triển khai các biện pháp phòng ngừa nêu tại điểm 6.3;

(b) Nộp thông tin sai, gây hiểu nhầm hoặc không chính xác, hoặc giấu giếm sự thật trong hồ sơ xin phép;

(c) Vi phạm các quy định pháp luật do BNM hoặc Chính phủ Malaysia ban hành hoặc nước ngoài có thể ảnh hưởng đến tính liêm chính và danh tiếng của DN tham gia ở Malaysia;

(d) Đã hoặc đang trong quá trình giải thể;

(e) Vi phạm quy định về bảo mật và an ninh thông tin;

(f) Tiếp tục kinh doanh theo cách có tác động xấu đến khách hàng hoặc công chúng nói chung; hoặc

(g) Không xử lý hiệu quả các lỗi, vướng mắc hoặc điểm yếu của sản phẩm, dịch vụ, giải pháp dẫn đến gián đoạn dịch vụ kéo dài hoặc các vụ lừa đảo.

10.2 Trước khi rút giấy phép thử nghiệm, BNM sẽ:

(a) Gửi thông báo cho DN tham gia trước 30 ngày; và

(b) Cho DN cơ hội giải trình với các căn cứ rút giấy phép mà BNM nêu.

10.3 Nếu trì hoãn việc rút giấy phép có hại cho lợi ích của DN tham gia, khách hàng, và cả công chúng, hệ thống tài chính nói chung, BNM có thể rút giấy phép ngay lập tức và cho phép DN tham gia phản hồi sau ngày bị rút giấy phép. Nếu phản hồi được BNM chấp nhận, BNM có thể cấp lại giấy phép.

10.4 Nếu bị rút giấy phép, DN tham gia phải:

(a) Lập tức thực hiện kế hoạch ra khỏi sandbox và ngừng cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giải pháp đối với khách hàng mới hoặc hiện hữu;

(b) Thông báo cho khách hàng về việc ngừng hoạt động và quyền được bồi thường nếu có;

(c) Tuân thủ các nghĩa vụ BNM đặt ra về việc tiêu hủy tất cả các thông tin mật bao gồm thông tin cá nhân của khách hàng thu thập trong quá trình thử nghiệm;

(d) Bồi thường đối với khách hàng phải chịu tổn thất tài chính phát sinh từ việc tham gia thử nghiệm theo các biện pháp phòng ngừa đã báo cáo ở điểm 6.3(e); và

(e) Báo cáo BNM về các hành động đã thực hiện theo quy định tại các điểm từ 10.4(a) đến (d) trong vòng 30 ngày từ khi bị rút giấy phép./.

***Liên hệ: Lê Quang Phong - 0968068511***

**THUYẾT MINH BẢN PHÁT THẢO**

**QUY ĐỊNH VỀ THỬ NGHIỆM ĐỔI MỚI ĐỐI VỚI**

**CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH CỦA ĐÀI LOAN**

Để đáp ứng với xu thế phát triển của công nghệ tài chính, năm 2015 Ủy ban Tài chính Vương Quốc Anh (FCA) đã nghiên cứu đưa ra khái niệm Financial Regulatory Sandbox, nhằm tạo môi trường an toàn để kiểm tra thử nghiệm những sản phẩm, nghiệp vụ, mô hình doanh nghiệp hay những cơ chế cung ứng dịch vụ của ngành tài chính sáng tạo (Financial Innovation), mặt khác không chịu hạn chế của các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời tạo cơ hội kinh doanh và cơ hội sinh tồn cho ngành được đổi mới và phát triển. Sau đó, Singapore, Úc, Thái Lan và các nước khác cũng có kế hoạch để tiếp tục giám sát việc lập kế hoạch sandbox,tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại thì Vương quốc Anh và Singapore là hai quốc gia phát triển điển hình trong lĩnh vực này, mà những phương châm chỉ đạo hay những văn kiện về regualtion sandbox đều không có tính chất giằng buộc về pháp lý nhằm thúc đẩy việc thử nghiệm sản phẩm sáng tạo công nghệ tài chính.

Nhằm khuyến khích lĩnh vực dịch vụ tài chính của trong nước và các ngành có liên quan có thể ứng dụng sự sáng tạo và công nghệ để nâng cao hiệu quả của dịch vụ tài chính, chất lượng và phổ biến hóa của cơ sở kế hoạch của cơ chế tài chính thực nghiệm và đổi mới công nghệ, được miễn thực hiện pháp luật và quản lý liên quan đến sự đổi mới trong một phạm vi cụ thể trong quá trình thí nghiệm, cung cấp cho các dịch vụ tài chính và các ngành có liên quan để tài trợ cho nghiên cứu và phát triển thử nghiệm đối với môi trường an ninh, có tính bảo vệ tài khoản của người tiêu dùng và trật tự thị trường tài chính; sau khi hoàn thành sự thí nghiệm đổi mới, cho phép thực thi theo pháp luật và các quy định tài chính hiện hành hoặc phù hợp với kết quả của việc giám sát các quy định tài chính sửa đổi của các cơ quan chủ quản , Để tạo thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh đổi mới công nghệ tài chính, soạn thảo dự thảo” Quy định Thử nghiệm về Đổi mới Công nghệ Tài chính " với những điểm chính sau:

1. Quy định áp dụng đổi mới tài chính và kinh doanh công nghệ dịch vụ tài chính, cũng như đề nghị sử dụng thông tin, mạng Internet hoặc các công nghệ khác để xử lý công việc kinh doanh của nhượng quyền thương mại phi ngân hàng trong dịch vụ tài chính, đều phải áp dụng Quy định này. (Dự thảo điều 3)
2. Xác định các thủ tục như đơn yêu cầu, các cuộc họp đánh giá, các hạng mục kiểm tra, thời gian đánh giá, thời gian thử nghiệm sáng tạo và đưa ra các thử nghiệm thử nghiệm sáng tạo và quyết định đi sâu vào kiểm tra các innovative experimentationkhoa học và công nghệ tài chính. (Dự thảo điều 4 đến điều 9)
3. Để khuyến khích đổi mới tài chính và thí nghiệm công nghệ thực hiện một cách thuận lợi , xác định thời gian đưa vào thí nghiệm đổi mới, an ninh thông tin, các biện pháp giám sát thí nghiệm sáng tạo, dừng phê chuẩn, kết quả innovative experimentationvà các hạng mục khác (Dự thảo điều 10 đến điềub14).
4. Innovative experimentationcông nghệ tài chính sau khi được hoàn thành, các cấp có thẩm quyền có thể áp dụng khả thi thực nghiệm sáng tạo về tình hình kinh doanh quảng cáo, rà soát các quy định tài chính có liên quan; và kết quả sáng tạo sau khi hoàn thành việc xem xét, người thực hiện phải nêu ra được đơn xin nghiệp vụ của doanh nghiệp, các quy phạm của quy định tài chính. (Dự thảo Điều 15 và Điều 16)
5. Để thực hiện các công việc liên quan đến innovation experimention for FINTECH, cấp có thẩm quyền sẽ cử ra đơn vị chuyên trách, cho phép các nhà chức trách có thẩm quyền thực hiện các biện pháp liên quan. (Dự thảo điều 17 và 18)
6. Để bảo vệ quyền và lợi ích của người tham gia vào thử nghiệm, và để làm rõ trách nhiệm của người tham gia thí nghiệm, và phù hợp với Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy phạm khác có liên quan, tranh chấp dân sự của thí sinh tham gia thực nghiệm và người xử lý phải do trung tâm xem xét người tiêu dùng tài chính tiến hành hòa giải. (Dự thảo các điều từ 19 đến 23)
7. Làm rõ cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan khác xem xét và điều chỉnh các luật và quy định về tài chính liên quan cho từng trường hợp cụ thể và loại trừ các yêu cầu về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm quản lý đối với hoạt động kinh doanh tài chính. (Dự thảo điều 24 và 25)
8. Quy định sẽ được thực thi sau 3 tháng công bố. (Dự thảo điều 26)

**BẢN THẢO**

**QUY ĐỊNH VỀ THỰC NGHIỆM ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy định** | **Thuyết minh** |
| **Chương 1: Tổng quát** |  |
|  |  |
| Điều 1 (Mục đích) Quy định này được xây dựng nhằm tạo ra một môi trường thử nghiệm về khoa học và công nghệ tài chính bảo đảm an toàn (sau đây gọi là innovative experimentation) và phát triển sự đổi mới công nghệ trong các dịch vụ tài chính hoặc hàng hóa, tăng cường khả năng tiếp cận, tính thực tiễn và chất lượng tài chính. | 1. Mục đích của việc xây dựng Quy định 2. Để đáp ứng xu hướng phát triển công nghệ tài chính và thúc đẩy tài chính tổng thể（Financial Inclusion）những năm gần đây, các cuộc họp Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương（Asia-Pacific Economic Cooperation, APEC）và các cuộc hợp liên quốc gia giữa các nước kinh tế khác, thúc đẩy hợp tác với đổi mới tài chính và công nghệ để nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính（access）, tiện ích（usage）và chất lượng（quality), tham khảo hệ thống sandbox giám sát nước ngoài, đặt ra mục đích của Quy định này, ở nước ta để thiết lập một môi trường thử nghiệm khoa học tài chính an toàn và đổi mới công nghệ. 3. Các cáo buộc an toàn của môi trường innovative experimentation cho công nghệ tài chính , có nghĩa là không làm ảnh hưởng đến trật tự tài chính và lợi ích của người tiêu dùng, để thực hiện đổi mới công nghệ tài chính , có thể không phù hợp và khác so với pháp luật hiện hành, hoặc vì sự cần thiết phải kiểm tra miễn pháp lý cần thiết , Hoặc phạm vi kinh doanh theo luật pháp là khó khăn để xác định theo hợp pháp, do đó đã đề xuất các thí nghiệm sáng tạo và sau khi kiểm tra bởi cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thí nghiệm sáng tạo. |
| Điều 2 (Cơ quan có thẩm quyền) Cơ quan có thẩm quyền theo Quy định này là Ủy ban Giám sát Tài chính. | Cơ quan có thẩm quyền của Quy định này. |
| Điều 3 (Đối tượng áp dụng) Các innovative experimentation được đề cập trong Quy định này có nghĩa là ngành dịch vụ tài chính hoặc ngành dịch vụ phi tài chính tiến hành các thí nghiệm về dịch vụ tài chính phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo các điều kiện được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. | 1. Quy định này lấy các thí nghiệm sáng tạo làm chủ thể quy phạm, do đó khi tiến hàng làm thủ tục các thực nghiệm đổi mới, các ngành dịch vụ tài chính có ý định áp dụng sáng kiến và công nghệ trong kinh doanh tài chính và ngành dịch vụ phi tài chính dự định sử dụng thông tin, Internet hoặc các công nghệ khác để cấp giấy phép kinh doanh tài chính đều phải tuân thủ theo Quy định này . 2. Dịch vụ tài chính là chỉ đến ngành dịch vụ tài chính như được đề cập tại Điều 2, Khoản 2 của Luật Tổ chức Ủy ban Giám sát Tài chính. |
| **Chương 2: Đơn xin cấp phép và thẩm tra (review) Innocative experimentation.** |  |
| Điều 4: (applicant’’qualifacation) Người nộp đơn thử nghiệm sáng tạo phải căn cứ theo kiểm tra nêu rõ những vấn đề sau đây trong đơn trình và nộp đơn lên cơ quan có thẩm quyền:   1. Mẫu đơn xin 2. Tài liệu người nộp đơn:   (1): Cá nhân : cung cấp bằng chứng về nơi cư trú hoặc nơi ở của họ tại Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc.  (2): Doanh nghiệp một thành viên và doanh nghiệp hợp tác: cung cấp các chứng từ thương mại, sổ danh bạ người chịu trách nhiệm và các bằng chứng chứng minh cư trú hoặc nơi cư trú của lãnh thổ của người phụ trách tại nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc.  (3): Pháp nhân: Cung cấp danh sách các chứng từ đăng ký pháp nhân, hợp đồng pháp nhân, công việc quản lý và giám sát của Đổng thi trưởng hoặc giám đốc (hoặc giám đốc độc lập).  3. Thuyết minh nguồn vốn  4. Kế hoạch thực nghiệm đổi mới  (1): Kinh doanh tài chính thử nghiệm và các quy định tài chính liên quan.  (2): Thuyết minh mang tính sáng tạo  (3): Phạm vi, thời gian, số người tham gia innovative experimentation(sau đây gọi chung là người tham gia thực nghiệm).  (4): Các biện pháp bảo vệ người tham gia thực nghiệm.  (5): Cơ chế quản lý rủi ro thực nghiệm đổi mới.  (6): Điểm chuẩn của lợi ích đặt trước của việc thực nghiệm đổi mới và lợi ích đạt được.  (7): Người tiến hành thực nghiệm đổi mới tự động chấm dứt thí nghiệm sáng tạo , được sự đồng ý bởi các cấp có thẩm quyền bãi bỏ hoặc vô hiệu hóa phê chuẩn thực nghiệm đổi mới hoặc kết thúc việc thực nghiệm và bãi bỏ cơ chế.  (8): Lời hứa và kế hoạch ưu tiên hoạt động kinh doanh ở nước ta sau khi innovative experimentation thành công.  (9): Mô tả về đánh giá rủi ro về rửa tiền và rủi ro của các dự án thí điểm sáng tạo và các biện pháp giảm rủi ro được xây dựng theo nguyên tắc rủi ro.  (10) Những người tham gia vào bằng sáng chế công nghệ tài chính sẽ đính kèm các thông tin liên quan.  5. Người quản lý chính của thử nghiệm sáng tạo hoặc thông tin người quản lý.  6. Thực hiện innovative experimentation được sử dụng bởi hệ thống thông tin và hướng dẫn kiểm soát an toàn.  7. Thực hiện thực nghiệm đổi mới cùngcác cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức khác, phải thuyết minh kiểm tra các thỏa thuận hợp tác và các quyền và nghĩa vụ có liên quan.  8. Các tài liệu quy định của các cơ quan có thẩm quyền khác | 1. Để hiểu đầy đủ tính chất của người nộp đơn và nội dung của các thí nghiệm sáng tạo trong các thí nghiệm đổi mới, phải căn cứ theo đúng trình tự thẩm tra, xác định rõ ràng chủ thể yêu cẩu cửa các thí nghiệm sáng tạo, bao gồm cá nhân, các doanh nghiệp hoặc pháp nhân, và phải kiểm tra cụ thể giấy tờ cùng với nội dung kế hoạch thực nghiệm đổi mới.  Mục 2, Khoản 2, Điều 2 trong Quy định này, người chịu trách nhiệm về mục đích cáo buộc sở hữu duy nhất hoặc hợp tác, phù hợp với Điều 10 Luật đăng ký thương mại:quy định như sau: "Đạo luật gọi là người phụ trách doanh nghiệp , tổ chức doanh nghiệp một thành viên, như chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của họ; Người tổ chức hợp tác là đối tác trong việc thực hiện công việc kinh doanh và người quản lý là người đứng đầu doanh nghiệp trong phạm vi trách nhiệm của mình, đều gọi là người phụ trách doanh nghiệp ".  Điều 4 của kế hoạch thử nghiệm sáng tạo, ứng viên nên giải thích thí nghiệm sáng tạo của dịch vụ tài chính và các quy định tài chính, sự sáng tạo, đổi mới và quy mô của các thí nghiệm trong câu hỏi, lợi ích bảo vệ sự tham gia thí nghiệm, cơ chế quản lý rủi ro, lợi ích dự kiến, thoát khỏi cơ chế, cam kết về rửa tiền trong công tác phòng chống rửa tiền của nước ta và bằng sáng chế công nghệ tài chính và các vấn đề khác.  Các loại thí nghiệm sáng tạo giống như nhiều quốc gia, có khả năng đổi mới nội dung thử nghiệm được sử dụng để rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, theo mục 9 khoản 4, thực nghiệm sáng tạo đặt ra kế hoạch cần phải bao gồm rửa tiền và ghi chú đánh giá rủi ro tài trợ khủng bố, và phù hợp với các nguyên tắc dựa trên rủi ro, các biện pháp giảm rủi ro phải được đề xuất.  Để hiểu rõ hơn người thực hiện chính thử nghiệm sáng tạo, an ninh thông tin và đổi mới công nghệ của sự hợp tác của người nộp đơn và mối quan hệ với những người khác, theo khoản 5 cho đến khoản 7 cho rằng người nộp đơn phải cung cấp thông tin có liên quan. |
| Điều 5 (Hội nghị thẩm tra – Review meeting) cấp có thẩm quyền có trách nhiệm áp dụng các kế hoạch thử nghiệm và các kết quả thử nghiệm sáng tạo, tổ chức một Hội nghị rà soát kiểm tra, tham gia vào các cuộc họp phải là các thành viên thuộc lĩnh vực tài chính, các chuyên gia phi tài chính và các cơ quan có liên quan, và các thành viên này, cách vận hành và các hạng mục khác có liên quan do cơ quan có thẩm quyền quy định. | Thực nghiệm đổi mới là sự thống nhất tổng thể của nhiều các lĩnh vực, để cải thiện cơ chế kiểm soát và xem xét các lĩnh vực liên quan, quy định rằng cơ quan có thẩm quyền cần tổ chức cuộc họp đánh giá để xem xét các ứng dụng cho các dự án thử nghiệm sáng tạo và kết quả của các thí nghiệm sáng tạo và ủy quyền Kiểm tra các thành viên của hội nghị và phương thức hoạt động ... để mời các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, chuyên gia trong lĩnh vực phi tài chính và các cơ quan có liên quan cùng tham gia để làm cơ chế kiểm sát hoàn thiện hơn. |
| Điều 6 (Các hạng mục kiểm tra \_ Review Cónideration) Để thúc đẩy sự đổi mới và phát triển của khoa học và công nghệ tài chính và bảo vệ lợi ích công cộng, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét các mục sau đây để áp dụng cho chương trình innovative experimentation:  1, Thuộc phạm vi dịch vụ tài chính phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.  2, Có tính sáng tạo.  3, Có thể nâng cao hiệu quả các dịch vụ tài chính, giảm chi phí vận hành và sử dụng, nâng cao quyền và lợi ích của người tiêu dùng và doanh nghiệp tài chính.  4, Có đánh giá đầy đủ các rủi ro có thể và các biện pháp liên quan đã được đưa ra.  5, Thiết lập các biện pháp bảo vệ để tham gia vào các thí nghiệm, và trước cho việc chuẩn bị bồi thường thích hợp.  6, Số lượng người tham gia trong thử nghiệm và giới hạn kinh doanh.  7, Vấn đề khác cần được đánh giá. | 1. Để xác định sự đổi mới, tính cần thiết và tính khả thi của thí nghiệm đổi mới, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét dự án thí điểm đổi mới được đề xuất bởi người nộp đơn cho innovative experimentationvà xác định các mục cần được kiểm tra.  2. Thuật ngữ "sáng tạo" như đã đề cập khoản 2 của Điều này bao gồm việc áp dụng đổi mới công nghệ hoặc phương thức đổi mới.  3. Khoản 5 của Điều này để tham gia vào các biện pháp bảo vệ của thí nghiệm và bồi thường thích hợp có thể được lấy lợi nhuận, bảo hiểm hoặc ủy quyền trách nhiệm. |
| Điều 7 ( thời gian thẩm tra \_ Review Period):  Sau khi người nộp đơn chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Điều 4, cơ quan có thẩm quyền phải hoàn thành việc kiểm tra trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn và quyết định cho phép hoặc thôi việc innovative experimentationvà thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản về quyết định kiểm tra.  Người nộp đơn bằng cách thông báo trong thời gian kiểm tra, phải tự động bổ sung giấy tờ cho đầy đủ kể từ ngày sau ngày nộp đơn.  Khi chấp nhận các trường hợp áp dụng liên quan đến hoạt động của các cơ quan khác, cơ quan có thẩm quyền phải tham khảo với cơ quan tương ứng. | 1. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xem xét lại các trường hợp áp dụng, xác định thời gian thẩm định của cơ quan có thẩm quyền và người nộp đơn nộp đơn đăng ký sau phương pháp tính thời gian thẩm định, căn cứ quy định trong mục 1 và mục 2  2. Mặc dù các đơn yêu cầu thí nghiệm sáng tạo thuộc phạm vi kinh doanh tài chính theo sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, nội dung của thí nghiệm sáng tạo có thể liên quan đến các công việc của các cơ quan khác.Nếu các đơn trong mục 3 liên quan đến các cơ quan khác thì cơ quan có thẩm quyền phải thương lượng với ý kiến của cơ quan thương mại có liên quan. |
| Điều 8 (Trong giai đoạn innovative experimentation), giai đoạn innovative experimentation sẽ được giới hạn trong sáu tháng và có thể được gia hạn thêm ba tháng nếu cần. Người nộp đơn phải kéo dài thời hạn innovative experimentation, trong vòng một tháng trước khi hết thời hạn thử nghiệm ban đầu, xin gia hạn để cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý thời gian gia hạn.  Cơ quan có thẩm quyền phải ra quyết định cho phép hoặc từ chối trước khi kết thúc innovative experimentation, và thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản về quyết định. | Các dịch vụ tài chính được thực hiện theo Quy định này có tính chất thực nghiệm và phải được xác nhận trong một khoảng thời gian nhất định và phải kiểm tra tính hiệu quả của các hoạt động này. |
| Điều 9 (Khi tiến hành kiểm tra thí nghiệm đổi mới \_ Decision – making procedure of the review) Sau khi hoàn thành việc kiểm tra đơn xin thí nghiệm đổi mới, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản quyết định kiểm tra và tiết lộ thông tin có liên quan trên trang web của cơ quan có thẩm quyền. | Cơ quan có thẩm quyền sẽ kiểm tra và xác minh đơn đăng ký innovative experimentation, thông báo cho người nộp đơn và tiết lộ các thông tin có liên quan như số đơn đăng ký cho bên ngoài. |
| **Chương 3: Giám sát và quản lý innovative experimentation** |  |
| Điều 10 (Triển khai thực nghiệm đổi mới \_ deadline for starting the innovative experimentation) Đơn xin innovative experimentationsau khi kiểm tra và chấp nhận đơn innovative experimentation, innovative experimentation sẽ bắt đầu trong vòng ba tháng sau khi nhận được thông báo từ cơ quan có thẩm quyền.  Những người không bắt đầu innovative experimentation trong thời hạn quy định tại khoản trên không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.  Người yêu cầu xử lý các innovative experimentation(sau đây gọi là người xử lý) phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền bằng văn bản trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu đơn. | 1. Các innovative experimentationsau khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và phê duyệt, innovative experimentation nên được bắt đầu càng sớm càng tốt sau một giai đoạn chuẩn bị nhất định.  2, Để tránh sự không chắc chắn, Cơ quan Quản lý hành vi Tài chính Vương quốc Anh(FCA) sẽ cho khoảng thời gian chuẩn bị 10 tuần đối với những người vượt qua kiểm tra sandbox giám sát tài chính.  3.Về mặt pháp luật, có liên quan đến các quy định tại Điều 24, Khoản 6 của Luật Đất đai và Quy hoạch, đối với bất kỳ người nộp đơn nào không thực hiện innovative experimentationtrong giai đoạn chuẩn bị đầu tiên, kế hoạch thực nghiệm sáng tạo sẽ bị vô hiệu hóa và không được thẩm duyệt.  4. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền nhận thức được việc thực hiện thí nghiệm đổi mới, người nộp đơn phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về ngày thực thi như trong mục 3. |
| Điều 11 (An ninh thông tin \_ information securitty) Trong quá trình thử nghiệm sáng tạo, các nhà quản lý cần áp dụng các biện pháp bảo mật thông tin phù hợp và đầy đủ để đảm bảo sự an toàn của việc thu thập thông tin, xử lý, sử dụng và truyền tải theo bản chất của kinh doanh thử nghiệm sáng tạo. | Người thực hiện nên thiết lập các cơ chế bảo mật thông tin để giảm nguy cơ có thể xảy ra để đảm bảo sự an toàn của việc sử dụng thông tin. |
| Điều 12 (Giám sát innovative exerimentation \_ supervisory measures) Trong thời gian từ khi được chấp thuận đến khi hoàn thành việc kiểm tra kết quả thí nghiệm đổi mới, người nộp đơn phải thực hiện các biện pháp quản lý theo quy định tại Quy định này và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thí nghiệm đổi mới, Xử lý các vấn đề và theo chỉ dẫn của cơ quan có thẩm quyền để đưa ra các tình huống thử nghiệm sáng tạo. Khi cần thiết, cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành thăm thực địa.  Các biện pháp quản lý quy định tại khoản trên bao gồm các quy định tại Điều 10, Khoản 3, Điều 11, Điều 14, Khoản 1, Điều 18, Điều 21 và Điều 22.  Nếu người xử lý không tuân thủ quy định tại mục 1, thì cơ quan có thẩm quyền có thể ra lệnh cho thời hạn để hoàn thiện. | Để hiểu được cách xử lý các thí nghiệm sáng tạo và để làm chủ được tác động của các thí nghiệm sáng tạo trên thị trường, quy định tại Quy định này phải đảm bảo rằng nhân viên xử lý phải tuân thủ các vấn đề liên quan và gặp mặt báo cáo với cơ quan có thẩm quyền hoặc giải thích các tình huống thực nghiệm sáng tạo, nếu cần thiết, cơ quan chủ quản có thẩm quyền có thể tham quan thực tế, nếu trường hợp người xử lý không tuân thủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có thể ra lệnh thời hạn cải thiện. |
| Điều 13(Revoking the approval) Trong trường hợp có một trong các trường hợp sau đây trong innovative experimentation, cơ quan có thẩm quyền có thể vô hiệu hóa sự chấp thuận thí nghiệm đổi mới:  1, Quá trình innovative experimentation có một thị trường tài chính bất lợi đáng kể hoặc liên quan đến lợi ích của người thử nghiệm.  2, Phạm vi của các innovative experimentationvượt quá sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của kế hoạch innovative experimentation.  3, Không tuân thủ mục 1 và mục 2 của điều trên, được cơ quan có thẩm quyền cho thời hạn cải thiện mà không cải thiện.  Khi cơ quan có thẩm quyền căn cứ theo các mục trên bãi bỏ sự thẩm duyệt, nó sẽ hiển thị trên trang web ngày bãi bỏ và lý do bãi bỏ. | 1. Để tránh ảnh hưởng xấu đến thị trường tài chính hoặc người tiêu dùng của sự đổi mới tài chính và thử nghiệm, hoặc người vượt qua sự phê chuẩn phương án thực nghiệm đổi mới của cơ quan có thẩm quyền, hoặc không tuân thủ Quy định này và không cải thiện trong thời gian cho cải thiện của cơ quan có thẩm quyền theo như mục 1, cơ quan có thẩm quyền có thể huỷ bỏ sự chấp thuận trong thí nghiệm đổi mới.  2. Tại mục 2 quy định rằng các cơ quan có thẩm quyền phải tiết lộ việc bãi bỏ ngày phê duyệt và lý do để tạo thuận lợi cho người tham gia thực nghiệm biết |
| Điều 14 (Kết quả innovative experimentation \_ evaluation of the results of innovative experimentation) Trong vòng một tháng sau khi giai đoạn thí nghiệm kết thúc, bên xử lý phải kiểm tra và xác minh sự phù hợp tham gia bảo vệ quyền và lợi ích của người thử nghiệm, việc tuân thủ các luật và quy định có liên quan và kiểm soát an ninh thông tin. Kết quả phải được báo cáo với cơ quan có thẩm quyền và cơ quan có thẩm quyền triệu tập cuộc họp kiểm tra theo Điều 5 để tiến hành tổng kết kết quả.  Cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho người giải quyết về kết quả của việc xem xét lại bản ghi ở trên và cũng sẽ đề cập đến cơ quan hữu quan.  Trong ba tháng sau khi kết thúc năm, cơ quan có thẩm quyền phải công bố kết quả thí nghiệm về đổi mới trong năm đó trên trang web của cơ quan có thẩm quyền. | 1. Sau khi innovative experimentation được hoàn thành, người giải quyết phải nộp báo cáo innovative experimentation hoàn chỉnh để cơ quan có thẩm quyền có thể tổ chức cuộc họp đánh giá để kiểm tra tính hiệu quả của innovative experimentation, giống như báo cáo đầu tiên.  2. Việc rà soát lại kết quả thí nghiệm sáng tạo, sau khi hoàn thành thông báo, cũng nên thông báo cho các cơ quan liên quan và phó chủ tịch của các cơ quan có liên quan, như đã nêu trong mục 2.  3, Để cho bên ngoài hiểu được việc xử lý các thí nghiệm sáng tạo trong kinh doanh tài chính, cơ quan có thẩm quyền phải tiết lộ thông tin liên quan về kết quả thực nghiệm sáng tạo trong vòng ba tháng cuối năm và gửi cho các cơ quan liên quan để tham khảo. |
| Điều 15 (Kiểm điểm pháp quy) Nếu cơ quan có thẩm quyền xem xét kết quả innovative experimentationthì cơ quan có thẩm quyền có thể xem xét việc xử lý các thí nghiệm sáng tạo và xem xét sự phù hợp của các luật và quy định về tài chính để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới và phát triển khoa học và công nghệ tài chính. | Sau khi xem xét kết quả thí nghiệm sáng tạo, cơ quan có thẩm quyền xem xét tính khả thi của thí nghiệm sáng tạo và xem xét sự phù hợp của các quy định tài chính. |
| Điều 16 : Sau khi innovative experimentation đã hoàn thành, người thực hiện sẽ áp dụng cho hoạt động kinh doanh sau khi kết quả innovative experimentation được kiểm tra bởi cơ quan có thẩm quyền và hoạt động của nó sẽ được điều chỉnh bởi luật tài chính và các quy định có liên quan. | Kết quả innovative experimentation Sau khi đánh giá của Cơ quan có Thẩm quyền, hoạt động kinh doanh trong tương lai sẽ được nộp cho Cơ quan có Thẩm quyền theo từng luật về ngành tài chính để tuân thủ nguyên tắc công bằng trong việc xử lý cùng một doanh nghiệp và tuân thủ các tiêu chuẩn có liên quan. |
| Điều 17 (Đơn vị chịu trách nhiệm) Để phát triển đổi mới công nghệ trong lĩnh vực tài chính và trợ giúp áp dụng các thí nghiệm sáng tạo, xem xét tính khả thi và hiệu quả của các thí nghiệm sáng tạo một cách chuyên nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết các vấn đề trong một đơn vị có trách nhiệm. | Để nâng cao năng lực đổi mới công nghệ tài chính và nâng cao hiệu quả hành chính của các thí nghiệm sáng tạo, các cơ quan có thẩm quyền của Hội đồng Nhà nước cần có các đơn vị có trách nhiệm giải quyết các vấn đề có liên quan. |
| Điều 18 (Phương thức ủy quyền) Thời hạn nộp đơn, thủ tục nộp đơn, tiêu chuẩn kiểm tra, số người tham gia thí nghiệm và các biện pháp bảo vệ, số tiền tham gia thí nghiệm đổi mới, giám sát các thí nghiệm sáng tạo và các biện pháp khác phải tuân theo sẽ được thực hiện trong suốt thời gian áp dụng, Được thiết lập bởi cơ quan có thẩm quyền. | Để thực hiện các thí nghiệm có liên quan trong các thí nghiệm sáng tạo, căn cứ theo Cơ quan thẩm quyền có thẩm quyền ấn định thời hạn áp dụng, thủ tục nộp đơn, tiêu chuẩn đánh giá, số người tham gia tham gia thí nghiệm và các biện pháp bảo vệ, số tiền tham gia vào thí nghiệm sáng tạo, giám sát các thí nghiệm sáng tạo và sự tuân thủ khác và các vấn đề có liên quan. |
| **Chương 4: Việc bảo vệ của người tham gia thí nghiệm** |  |
| Điều 19 (Trách nhiệm của người xử lý thí nghiệm đối với người tham gia thí nghiệm) Trách nhiệm của người tiến hành thí nghiệm theo quy định của Quy định này . Không được hạn chế hoặc miễn trừ trước. | Vi phạm các quy định của khoản trên, phần của hợp đồng là không hợp lệ. Tham chiếu Điều 6 của Luật Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Bảo vệ Tiêu dùng Tài chính: "Trách nhiệm của ngành dịch vụ tài chính theo định nghĩa trong Quy định này đối với người tiêu dùng tài chính sẽ không được hạn chế hoặc miễn trừ trước.." Các điều khoản của Quy định này vô hiệu và vi phạm các quy định trên ". |
| Điều 20 (hợp đồng giữa người tham gia thử nghiệm và người thực hiện thử nghiệm) Trong thí nghiệm đổi mới, cho những người liên quan với các thí nghiệm tham gia vào một hợp đồng cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ tài chính, điều này phải công bằng và hợp lý, cùng có lợi và thiện chí.  Trong quá trình innovative experimentation, cho những người liên quan và các điều khoản của hợp đồng ký kết giữa công bằng, một phần không hợp lệ của thí nghiệm của các điều khoản, khi giao ước trường hợp nghi ngờ, cần được giải thích có lợi người tham gia thử nghiệm.  Trong quá trình thử nghiệm đổi mới, các sản phẩm tài chính hoặc dịch vụ do nhà tài trợ cung cấp sẽ phải đáng tin cậy và đáng tin cậy và phải trung thành với các luật và quy định hiện hành hoặc các thỏa thuận hợp đồng. | Điều 7 của Luật bảo vệ quyền sử dụng tài chính: "Hợp đồng giữa ngành dịch vụ tài chính và người tiêu dùng tài chính đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính sẽ được thực hiện theo nguyên tắc công bằng, bình đẳng, có đi có lại và có thiện chí, rõ ràng là các điều khoản của hợp đồng giữa ngành dịch vụ tài chính và người tiêu dùng phải công bằng, điều này là một phần của điều khoản là không hợp lệ, các điều khoản trong hợp đồng nghi ngờ phải được giải thích cho lợi ích của người tiêu dùng tài chính. Dịch vụ tài chính để cung cấp sản phẩm tài chính hoặc dịch vụ, phải là tốt của nhà quản lý chú ý các nghĩa vụ, các sản phẩm tài chính hoặc dịch vụ cung cấp Những người có bản chất của ủy thác và ủy thác phải có nghĩa vụ trung thành thật sự theo luật pháp và quy định áp dụng hoặc các điều khoản hợp đồng. |
| Điều 21 (Các hoạt động tuyên truyền) Trong một innovative experimentation, người tổ chức sẽ không phải trong trường hợp lừa đảo, gian lận, che giấu hoặc các sự kiện khác làm cho người khác gây hiểu nhầm và đảm bảo sự thật về nội dung và ảnh hưởng của nó đối với người tham gia Nghĩa vụ phải chịu sẽ không được thấp hơn thông tin hoặc mô tả đưa ra cho người thử nghiệm trong thời gian trưng cầu.  Người nộp đơn không được cho vay về giáo dục tài chánh, giới thiệu sản phẩm tài chính cá nhân hoặc dịch vụ. | Tham khảo Điều 8 Khoản 1 của Luật Bảo vệ người tiêu dùng: "Không được giả mạo, gian lận, che giấu hoặc xác nhận khác bởi bất kỳ người nào khác trong ngành dịch vụ tài chính khi đặt, phát quảng cáo, tiến hành trưng cầu kinh doanh hoặc khuyến mại, và đảm bảo rằng Nội dung quảng cáo là đúng và nghĩa vụ đối với người tiêu dùng tài chính không được thấp hơn quảng cáo và các thông tin hoặc giải thích cho người tiêu dùng tài chính khi tiến hành chào mời kinh doanh hoặc xúc tiến kinh doanh. "Và khoản 3:" Dịch vụ Tài chính Công nghiệp không được vay mượn giáo dục tài chính, giới thiệu sản phẩm tài chính cá nhân hoặc dịch vụ ". |
| Điều 22 (Thông báo và quyền lợi của người tham gia thí nghiệm Đổi mới) Người nộp đơn nên cung cấp các biện pháp bảo vệ thích hợp cho các thí nghiệm tham gia và các cơ chế để thoát các thí nghiệm sáng tạo, thông báo rõ ràng về phạm vi của các thí nghiệm sáng tạo và các quyền và nghĩa vụ khác và được sự đồng ý của họ. | Trong innovative experimentation, người xử lý phải thu thập, xử lý và sử dụng dữ liệu của người thử nghiệm theo các quy định có liên quan như Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân. Trước khi innovative experimentation, người xử lý phải cung cấp các biện pháp bảo vệ thích hợp cho người thử nghiệm và thoát khỏi cơ chế innovative experimentation, thông báo cho người tham gia thí nghiệm về sự tham gia của họ vào các nội dung thử nghiệm và các quyền và nghĩa vụ cũng như các vấn đề quan trọng khác như quy định tại mục 1. |
| Điều 23 (Hòa giải các tranh chấp dân sự) Các tranh chấp dân sự phát sinh từ việc người xử lý và người tham gia thí nghiệm sẽ do trung tâm Xem xét tiêu dùng Tài chính của Tổ chức Trung gian hoà giải.  Việc chấp nhận, thủ tục, thời hạn, chi phí và các biện pháp khác phải tuân theo tại khoản trên được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền. | 1. Hàng hoá hoặc dịch vụ được cung cấp bởi innovative experimentationthuộc về bản chất của các thí nghiệm sáng tạo và các sản phẩm hoặc dịch vụ tài chính phi thông thường. Không có yêu cầu bảo vệ người tiêu dùng theo Luật Bảo vệ Khách hàng Tài chính và việc áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, do thực tế cần xử lý kịp thời và hợp lý đường ống dẫn đến tranh chấp dân sự, đầu tiên là trung tâm đánh giá tài chính (sau đây gọi là trung tâm xem xét) của các thể chế tài chính hợp nhất sẽ hỗ trợ hòa giải. Hòa giải, nếu hai bên đồng ý, có hiệu quả trong hoà giải dân sự.  2. Vì lợi ích của Trung tâm để tạo điều kiện cho việc hòa giải được nêu tại điều 2  Cho phép cơ quan có thẩm quyền quy định thủ tục chấp nhận, thủ tục, thời gian, chi phí, và các vấn đề khác phải tuân theo trong buổi hòa giải |
| **Chương 5: Điều chỉnh luật và trách nhiệm pháp lý loại bỏ trong thời gian innovative experimentation** |  |
| Điều 24 (Miễn hoặc điều chỉnh quy định) Phạm vi của các thí nghiệm sáng tạo liên quan đến các quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác có thể được miễn hoặc điều chỉnh bởi các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình innovative experimentation. | 1. Tham khảo Luật pháp quốc tế: Việc giám sát tài chính của Vương quốc Anh (FCA) của chương trình giám sát sandbox, phù hợp với các quy định của Luật Tài chính và Luật Thị trường FCA , bởi FCA phù hợp trong một số trường hợp, việc miễn hoặc điều chỉnh các quy tắc FCA và các quy định Áp dụng, giám sát tài chính của MAS do Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) cũng bị nới lỏng bởi cơ quan pháp định của MAS để cấp các quy định tài chính cho những người tham gia thử nghiệm.  2. Phạm vi của các dịch vụ tài chính liên quan đến các innovative experimentationđược giới hạn trong phạm vi và thời gian so với dịch vụ tài chính được chính thức xử lý. Tác động đến thứ tự của thị trường tài chính là tối thiểu. Mục đích của innovative experimentation là để kiểm tra tính khả thi của innovative experimentation bằng các thí nghiệm sáng tạo khi có vấn đề với các luật và quy định hiện hành và để xác định xem cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền khác có thể kiểm tra theo từng trường hợp cụ thể  Xem xét và điều chỉnh các lệnh tài chính có liên quan và các quy tắc hành chính. |
| Điều 25 (Loại bỏ hình phạt ) trong thời gian innovative experimentation, người xử lý căn cứ theo các cấp có thẩm quyền có kế hoạch kiểm tra phạm vi sáng tạo của thí nghiệm, thực nghiệm hành vi sáng tạo đổi mới không áp dụng các hình phạt sau đây:   1. Luật Ngân hàng Điều 125. 2. Các cơ quan thanh toán điện tử Điều khoản 40, 46 hoặc 46. 3. Mục 1 của Điều 30 của Quy chế Quản trị phát hành vé điện tử, mục 2 vi phạm khoản 1 của Điều 4 của Quy chế bằng cách ký vào cơ quan đặc biệt, mục 3 hoặc mục 4. 4. Đạo luật Tin tưởng Điều 48. 5. Điều 61 của Luật Quản lý Tài chính về vi phạm Điều 6 của Luật. 6. Khoản 1 Điều 18 khoản 1 Điều 44, khoản 1 Điều 177 của Luật Chứng khoán vi phạm Khoản 1 Điều 45. 7. Luật giao dịch Điều 112, các khoản từ 3 đến 5. 8. Điều 107 và Điều 100 của Luật Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. 9. Luật Bảo hiểm Điều 167 và Điều 167. | 1. Dự án thí điểm cải tiến liên quan đến pháp luật ngân hàng, quy định cơ chế thanh toán điện tử, vé điện tử quy định ban hành, Đạo luật ủy thác Enterprise, vé Luật Quản lý tài chính, Luật Giao dịch Chứng khoán, Luật Thương mại Futures, Chứng khoán Investment Trust và Đạo luật Tư vấn và Đạo luật Bảo hiểm và pháp luật tài chính khác Trong các điều khoản có liên quan của kinh doanh tài chính nhượng quyền, để tránh innovative experimentation.  Trong quá trình innovative experimentation có cho tham gia vào kinh doanh tài chính nhượng quyền thương mại và gánh nặng liên quan đến nguy cơ tội phạm và trách nhiệm hành chính, theo bài viết này đặt ra để loại trừ pháp luật lĩnh vực tài chính liên quan đến tham gia vào các thương hiệu trách nhiệm hình sự và hành chính theo yêu cầu của các áp dụng trong innovative experimentation. Nhưng phần này loại trừ hình phạt được giới hạn trong phạm vi dự án có thẩm quyền sáng tác sáng tạo thực nghiệm, chẳng hạn như cấp có thẩm quyền vượt quá phạm vi gây ra, vi phạm các quy định hình sự, vẫn có thể không được miễn thuế.  2. Theo quy định của Quy định này, hành động phê duyệt dự án thí điểm đổi mới liên quan đến các loại hình kinh doanh tài chính được nhượng quyền sau đây và không áp dụng các quy định về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hành chính của các luật về ngành tài chính khác nhau:  (1) Nhận tiền gửi, quỹ ủy thác uỷ thác, tài sản công cộng hoặc xử lý hối đoái trong nước và ngoại hối.  (2) Các dịch vụ thanh toán điện tử, bao gồm nhận các quỹ có giá trị tích lũy và chuyển tiền giữa các tài khoản thanh toán điện tử.  (3) e-ticket.  (4) Kinh doanh ủy thác.  (5)Tín phiếu ngắn hạn, bảo lãnh phát hành, môi giới hoặc tự làm chủ.  (6) Kinh doanh chứng khoán.  (7) Kinh doanh trong tương lai  (8) Kinh doanh ủy thác đầu tư chứng khoán và kinh doanh tư vấn đầu tư chứng khoán, với kinh doanh đầu tư tùy ý.  (9) Tham gia hoặc làm đại lý để tăng, bán và đầu tư tư vấn ở nước ngoài.  (10) Kinh doanh bảo hiểm. |
| **Chương 6 Các điều khoản bổ sung** |  |
| Điều 26 (Ngày thi hành) Quy định này sẽ có hiệu lực sau 3 tháng kể từ ngày ban hành. | Việc thi hành Quy định này, vẫn cần thời gian để chuẩn bị và tuyên truyền, căn cứ theo các quy định từ thông báo ba tháng sau khi thực hiện. |

**CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CỦA ẤN ĐỘ - REGULATORY SANDBOX**

**1.Bối cảnh**

Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBI) đã thành lập Nhóm công tác liên quy định (WG) vào tháng 7 năm 2016 để xem xét và báo cáo về các khía cạnh cụ thể của FinTech và các tác động của nó để xem xét khuôn khổ pháp lý và đáp ứng với sự phát triển nhanh chóng của FinTech. Báo cáo của WG được phát hành vào ngày 08 tháng 02 năm 2018 để lấy ý kiến ​​rộng rãi của công chúng. Một trong những khuyến nghị chính của WG là đưa ra một khuôn khổ thích hợp cho Cơ chế thử nghiệm (CCTN) trong một phạm vi và thời hạn được xác định rõ ràng trong đó cơ quan quản lý lĩnh vực tài chính sẽ cung cấp hướng dẫn quy định cần thiết, để tăng hiệu quả, quản lý rủi ro và tạo cơ hội mới cho người tiêu dùng.

Theo đó, một đề xuất nêu bật các nguyên tắc và vai trò rõ ràng của CCTN bao gồm lý do thiết lập CCTN và các kỳ vọng của RBI, được trình bày chi tiết dưới đây.

**2. CCTN: Nguyên tắc và Mục tiêu**

**2.1 CCTN**

CCTN thường đề cập đến việc thử nghiệm trực tiếp các sản phẩm hoặc dịch vụ mới trong một phạm vi được kiểm soát / thử nghiệm mà các cơ quan quản lý có thể (hoặc có thể không) cho phép nới lỏng một số quy định cho mục đích giới hạn của thử nghiệm. CCTN cho phép cơ quan quản lý, các start-up, nhà cung cấp dịch vụ tài chính (với tư cách là người triển khai tiềm năng của công nghệ) và khách hàng (với tư cách là người dùng cuối cùng) thực hiện các thử nghiệm thực địa để thu thập bằng chứng về lợi ích và rủi ro của các đổi mới tài chính mới, đồng thời giám sát cẩn thận các rủi ro. CCTN có thể cung cấp một con đường có cấu trúc để cơ quan quản lý tham gia vào hệ sinh thái và phát triển các quy định cho phép đổi mới hoặc đáp ứng đổi mới để tạo điều kiện cung cấp các sản phẩm tài chính phù hợp, chi phí thấp. CCTN là một công cụ quan trọng để tạo ra các môi trường pháp lý năng động hơn, dựa trên bằng chứng học hỏi và phát triển với các công nghệ mới nổi.

Mục tiêu của CCTN là thúc đẩy sự đổi mới có trách nhiệm trong các dịch vụ tài chính, thúc đẩy hiệu quả và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng.

Về cơ bản, CCTN là một khuôn khổ pháp lý dành cho những người tham gia thị trường thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới với khách hàng, tuân theo các biện pháp bảo vệ và giám sát nhất định. Dịch vụ tài chính được đề xuất triển khai theo CCTN nên bao gồm công nghệ mới hoặc đang phát triển, hoặc sử dụng công nghệ hiện có theo cách sáng tạo và phải giải quyết vấn đề và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng.

**3. CCTN: Lợi ích**

Việc thiết lập CCTN có thể mang lại một số lợi ích đáng kể và được mô tả dưới đây:

3.1 Đầu tiên và quan trọng nhất, CCTN khuyến khích ‘học bằng cách làm’ ở tất cả các bên. Các cơ quan quản lý có được bằng chứng thực nghiệm trực tiếp về lợi ích và rủi ro của các công nghệ mới nổi và tác động của chúng, cho phép họ xem xét các quy định sửa đổi hoặc các quy định mới có thể cần thiết để hỗ trợ sáng tạo hữu ích, đồng thời chứa đựng những rủi ro tương ứng. Các nhà cung cấp dịch vụ tài chính đương nhiệm, bao gồm cả các ngân hàng, cũng nâng cao hiểu biết của họ về cách các công nghệ tài chính mới có thể hoạt động, giúp họ tích hợp một cách thích hợp các công nghệ mới này với kế hoạch kinh doanh của mình. Các start-up và các công ty FinTech có thể nâng cao hiểu biết về các quy định chi phối dịch vụ của họ và định hình sản phẩm của họ cho phù hợp. Cuối cùng, phản hồi từ khách hàng, với tư cách là người dùng cuối, giáo dục cả cơ quan quản lý và start-up về chi phí và lợi ích có thể tích lũy cho khách hàng từ những sáng tạo này.

3.2 Thứ hai, người dùng CCTN có thể kiểm tra khả năng tồn tại của sản phẩm mà không cần triển khai lớn hơn và tốn kém hơn, nếu sản phẩm có vẻ có tiềm năng thành công. Nếu có bất kỳ lo ngại nào phát sinh, trong thời gian sandbox, có thể thực hiện các sửa đổi thích hợp trước khi sản phẩm được tung ra thị trường rộng lớn hơn.

3.3 Thứ ba, FinTechs cung cấp các giải pháp có thể bao gồm tài chính một cách đáng kể hơn nữa. CCTN có thể đi một chặng đường dài trong việc không chỉ cải thiện tốc độ đổi mới và khả năng hấp thụ công nghệ mà còn bao gồm tài chính và cải thiện phạm vi tài chính. Các lĩnh vực có khả năng nhận được lực đẩy từ CCTN bao gồm tài chính vi mô, tiết kiệm nhỏ sáng tạo, chuyển tiền, ngân hàng di động và các khoản thanh toán kỹ thuật số khác.

3.4 Thứ tư, bằng cách cung cấp một môi trường có cấu trúc và thể chế hóa để ra quyết định theo quy định dựa trên bằng chứng, sự phụ thuộc của cơ quan quản lý vào việc tham vấn ngành / các bên liên quan sẽ giảm đi một cách tương ứng.

3.5 Thứ năm, CCTN có thể dẫn đến kết quả tốt hơn cho người tiêu dùng thông qua việc gia tăng nhiều loại sản phẩm và dịch vụ, giảm chi phí và cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính.

**4. CCTN: Rủi ro và Hạn chế**

4.1 Các nhà đổi mới có thể mất một số tính linh hoạt và thời gian trong việc thực hiện quy trình CCTN. Tuy nhiên, thực hiện CCTN một cách có giới hạn thời gian ở mỗi giai đoạn có thể giảm thiểu rủi ro này.

4.2 Việc ủy ​​quyền theo từng trường hợp cụ thể và việc nới lỏng quy định có thể liên quan đến thời gian và các phán quyết tùy ý. Rủi ro này có thể được giải quyết bằng cách xử lý các ứng dụng một cách minh bạch và tuân theo các nguyên tắc được xác định rõ trong quá trình ra quyết định.

4.3 RBI hoặc CCTN của RBI không thể cung cấp bất kỳ sự từ bỏ pháp lý nào.

4.4 Hậu thử nghiệm CCTN, người thử nghiệm thành công vẫn có thể yêu cầu phê duyệt theo quy định trước khi sản phẩm / dịch vụ / công nghệ có thể được phép ứng dụng rộng rãi hơn.

4.5 Có khả năng xảy ra một số vấn đề pháp lý, chẳng hạn như những vấn đề liên quan đến thiệt hại của người tiêu dùng trong trường hợp thử nghiệm thất bại. Những trường hợp như vậy có thể không có nhiều cơ sở pháp lý nếu khuôn khổ CCTN và các quy trình là minh bạch và có các tiêu chí vào và ra rõ ràng. Rõ ràng rằng trách nhiệm pháp lý đối với rủi ro kinh doanh hoặc khách hàng sẽ thuộc về đơn vị tham gia CCTN sẽ rất quan trọng trong bối cảnh này.

**5. CCTN: Tiêu chí về tính đủ điều kiện**

Các ứng viên mục tiêu để tham gia CCTN, là các công ty FinTech bao gồm các công ty khởi nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính, bất kỳ công ty nào khác, Công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn (LLP) và các công ty hợp danh, hợp tác hoặc cung cấp hỗ trợ cho các doanh nghiệp dịch vụ tài chính, tuân theo các tiêu chí sandbox được đặt ra trong các hướng dẫn này.

Trọng tâm của CCTN sẽ là khuyến khích những đổi mới nhằm mục đích sử dụng ở thị trường Ấn Độ trong các lĩnh vực:

1. Không có quy chế quản lý;
2. Cần phải tạm thời nới lỏng các quy định cho phép đề xuất đổi mới;
3. Sự đổi mới được đề xuất cho thấy hứa hẹn nới lỏng / hiệu quả việc cung cấp các dịch vụ tài chính một cách đáng kể.

**6. Các khía cạnh thiết kế của CCTN**

RBI sẽ xem xét các đặc điểm thiết kế chính sau đây cho CCTN:

6.1 Triển khai từng đợt và Sản phẩm / Dịch vụ / Công nghệ

CCTN có thể triển khai một vài đợt (quy trình thử nghiệm end-to-end), với một số lượng hạn chế các doanh nghiệp trong mỗi nhóm thử nghiệm sản phẩm của họ trong một khoảng thời gian quy định. CCTN sẽ dựa trên các nhóm thuần tập theo chủ đề tập trung vào bao gồm tài chính, thanh toán và cho vay, KYC kỹ thuật số, v.v. Các nhóm này có thể chạy trong các khoảng thời gian khác nhau nhưng thường phải được hoàn thành trong vòng 06 tháng.

Dưới đây là danh sách chỉ dẫn các sản phẩm / dịch vụ / công nghệ sáng tạo có thể được xem xét để thử nghiệm theo CCTN.

6.1.1 Sản phẩm / Dịch vụ sáng tạo

* Thanh toán bán lẻ
* Dịch vụ chuyển tiền
* Cho vay thị trường
* KYC kỹ thuật số
* Dịch vụ tư vấn tài chính
* Dịch vụ quản lý tài sản
* Dịch vụ nhận dạng kỹ thuật số
* Hợp đồng thông minh
* Sản phẩm bao gồm tài chính
* Sản phẩm an ninh mạng

6.1.2 Công nghệ sáng tạo

* Các ứng dụng công nghệ di động (thanh toán, nhận dạng kỹ thuật số, v.v.)
* Phân tích dữ liệu
* Dịch vụ giao diện chương trình ứng dụng (API)
* Các ứng dụng theo công nghệ chuỗi khối
* Các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo và Máy học

**6.2 Yêu cầu/Giảm nhẹ đối với người nộp đơn**

RBI có thể xem xét việc nới lỏng, nếu được bảo đảm, một số yêu cầu quy định đối với người nộp đơn trong thời hạn của CCTN tùy từng trường hợp. Dưới đây là một số ví dụ về việc nới lỏng quy định có thể được chấp thuận:

* Yêu cầu thanh khoản
* Thành phần hội đồng quản trị
* Kinh nghiệm quản lí
* Sự vững vàng về tài chính
* Hồ sơ theo dõi

Tuy nhiên, các yêu cầu bắt buộc phải tuân theo của người nộp đơn được đưa ra dưới đây:

* Quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu của khách hàng
* Lưu trữ an toàn và truy cập vào dữ liệu thanh toán của các bên liên quan
* Bảo mật giao dịch
* Yêu cầu KYC / AML / CFT
* Các hạn chế theo luật định.

**6.3 Loại trừ khỏi Cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát**

Các tổ chức có thể không phù hợp với CCTN nếu dịch vụ tài chính được đề xuất tương tự như các dịch vụ tài chính đã được cung cấp ở Ấn Độ trừ khi người nộp đơn có thể chứng minh rằng một công nghệ khác đang được áp dụng hiệu quả hoặc cùng một công nghệ đang được áp dụng hiệu quả hơn và cách thức hiệu quả.

Dưới đây là một danh sách tiêu cực chỉ ra các sản phẩm / dịch vụ / công nghệ có thể không được chấp nhận để thử nghiệm.

* Đăng ký tín dụng
* Thông tin tín dụng
* Dịch vụ tiền mã hóa / tài sản tiền mã hóa
* Giao dịch / đầu tư / thanh toán tài sản tiền mã hóa
* Phát hành tiền mã hóa lần đầu (ICO), v.v.
* Dịch vụ tiếp thị chuỗi
* Bất kỳ sản phẩm / dịch vụ nào đã bị cấm bởi các cơ quan quản lý/ Chính phủ Ấn Độ.

**6.4 Số lượng các thực thể FinTech tham gia Cơ chế**

Trọng tâm của CCTN sẽ thu hẹp về các lĩnh vực đổi mới và hạn chế về lượng tiếp nhận. CCTN sẽ bắt đầu quá trình thử nghiệm với một số doanh nghiệp được chọn thông qua một quá trình lựa chọn toàn diện như được trình bày chi tiết trong khuôn khổ của "Tiêu chí phù hợp và phù hợp để lựa chọn người tham gia CCTN". Quyết định của RBI về đơn đăng ký sẽ là quyết định cuối cùng.

**6.5 Các tiêu chí thích hợp để lựa chọn người tham gia CCTN**

6.5.1 Mọi người nộp đơn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đó phải là một công ty được thành lập và đăng ký tại Ấn Độ hoặc các ngân hàng được cấp phép hoạt động ở Ấn Độ hoặc Công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn (LLP), công ty hợp danh được đăng ký tại Ấn Độ. Hơn nữa, các tổ chức tài chính được thành lập theo một quy chế ở Ấn Độ cũng sẽ đủ điều kiện.
2. Đơn vị phải có giá trị ròng tối thiểu là Rs. 10 lakh theo bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán gần đây nhất.
3. Tất cả (các) người quảng bá / (các) giám đốc / (các) đối tác của đơn vị phải phù hợp và phù hợp theo các tiêu chí được liệt kê trong Phụ lục I. Mọi giám đốc phải có tuyên bố và cam kết về việc này. theo Phụ lục II.
4. Việc thực hiện các tài khoản ngân hàng của đơn vị cũng như những người quảng bá / giám đốc của đơn vị phải đạt yêu cầu.
5. Lịch sử tín dụng của (các) người quảng bá / (các) giám đốc / tổ chức phải đạt yêu cầu.
6. Nó phải chứng minh rằng các sản phẩm / dịch vụ đã sẵn sàng về mặt công nghệ để triển khai trên thị trường rộng lớn hơn. Ngân hàng Dự trữ sẽ không cung cấp dữ liệu thử nghiệm công nghệ và / hoặc dữ liệu để thử nghiệm sản phẩm / dịch vụ / công nghệ.
7. Đơn vị phải chứng minh các thỏa thuận để đảm bảo tuân thủ các quy định / luật hiện hành về bảo vệ dữ liệu người tiêu dùng và quyền riêng tư.
8. Cần có các biện pháp bảo vệ thích hợp được xây dựng trong hệ thống CNTT của mình để đảm bảo rằng hệ thống này được bảo vệ chống lại sự truy cập trái phép, thay đổi, phá hủy, tiết lộ hoặc phổ biến hồ sơ và dữ liệu.
9. Đơn vị phải có cơ sở hạ tầng CNTT và nguồn lực quản lý mạnh mẽ. Hệ thống CNTT được sử dụng để xử lý cơ chế end-to-end phải cung cấp tính toàn vẹn của quá trình xử lý thông tin từ đầu đến cuối.

6.5.2 Ngoài ra, các đơn vị phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Giải pháp FinTech được đề xuất cần làm nổi bật lỗ hổng hiện có trong hệ sinh thái tài chính và đề xuất phải chứng minh cách giải quyết vấn đề và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng hoặc ngành và / hoặc thực hiện cùng một công việc hiệu quả hơn. Ngoài ra, các ứng viên phải chứng minh rằng có một rào cản quy định liên quan ngăn cản việc triển khai sản phẩm / dịch vụ trên quy mô lớn hoặc một sản phẩm / dịch vụ / giải pháp thực sự sáng tạo và quan trọng đáng kể được đề xuất mà quy định liên quan là cần thiết nhưng không có.
2. Các kịch bản thử nghiệm và kết quả dự kiến ​​của thử nghiệm CCTN phải được xác định rõ ràng và thực thể hộp cát phải báo cáo cho RBI về tiến trình thử nghiệm, dựa trên một lịch trình đã thống nhất.
3. Các điều kiện ranh giới thích hợp (tham khảo mục 6.7) phải được xác định rõ ràng để CCTN được thực thi một cách có ý nghĩa đồng thời bảo vệ đầy đủ quyền riêng tư của người tiêu dùng.
4. Một chiến lược chuyển đổi và thoát khỏi chấp nhận được phải được xác định rõ ràng trong trường hợp dịch vụ tài chính do FinTech đề xuất phải ngừng hoạt động hoặc có thể tiếp tục triển khai trên quy mô rộng hơn sau khi rời khỏi CCTN.
5. Các ứng viên sẽ được yêu cầu chia sẻ kết quả của Proof of Concept (PoC) / thử nghiệm các trường hợp sử dụng bao gồm bất kỳ kinh nghiệm nào có liên quan trước khi được nhận vào CCTN để thử nghiệm
6. Các rủi ro đáng kể phát sinh từ giải pháp FinTech hoặc dịch vụ tài chính được đề xuất cần được đánh giá và đệ trình kế hoạch giảm thiểu.

6.5.3 CCTN là một sáng kiến ​​quy định mới nhằm thúc đẩy sự đổi mới có trách nhiệm trong các dịch vụ tài chính, đồng thời giám sát cẩn thận và ngăn chặn rủi ro của chúng. Việc lựa chọn các thực thể cho một nhóm thuần tập, ngoài ra còn phải dựa trên sự phù hợp với các tiêu chí phù hợp và phù hợp như được chỉ ra trong mục 6.5.1 và 6.5.2 ở trên. Trong trường hợp số lượng người đăng ký lớn, việc tuân thủ các tiêu chí phù hợp và phù hợp sẽ là điều kiện cần thiết và lựa chọn cuối cùng sẽ dựa trên tính mới của cải tiến và lợi ích tiềm năng mà sản phẩm / dịch vụ mang lại cho người tiêu dùng / ngành.

**6.6 Kéo dài hoặc rời khỏi CCTN**

a) Vào cuối khoảng thời gian thử nghiệm, các biện pháp nới lỏng quy định được cung cấp cho các đối tượng sẽ hết hạn và các doanh nghiệp phải thoát khỏi CCTN. Trong trường hợp doanh nghiệp yêu cầu gia hạn thời hạn thử nghiệm, thì thời hạn đó sẽ áp dụng cho RBI ít nhất một tháng trước khi hết hạn và với các lý do hợp lệ để hỗ trợ đơn đăng ký gia hạn. RBI sẽ đưa ra quyết định sáng suốt để cho phép gia hạn hoặc dựa trên giai đoạn thử nghiệm, kết quả của thử nghiệm cho đến thời điểm đó, lý do cho việc tiếp tục và kết quả dự kiến ​​trong thời gian kéo dài.

b) Cơ chế quản lý thử nghiệm sẽ bị dừng bất kỳ lúc nào theo quyết định của RBI:

i) Nếu doanh nghiệp không đạt được mục đích dự kiến, dựa trên các kịch bản thử nghiệm mới nhất, kết quả dự kiến ​​và lịch trình được doanh nghiệp đồng ý với RBI.

ii) Nếu doanh nghiệp không thể tuân thủ đầy đủ các yêu cầu quy định liên quan và các điều kiện khác được chỉ định ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình thử nghiệm.

iii) Nếu doanh nghiệp không hành động vì lợi ích tốt nhất của người tiêu dùng do sơ suất hoặc các hành vi cố ý gây hại.

c) Doanh nghiệp cũng có thể thoát khỏi CCTN theo quyết định của riêng mình bằng cách thông báo cho RBI trước một tháng.

d)Doanh nghiệp sẽ đảm bảo rằng mọi nghĩa vụ hiện có đối với khách hàng của họ về dịch vụ tài chính đang được thử nghiệm được giải quyết đầy đủ trước khi rời khỏi CCTN hoặc ngừng tham gia CCTN.

**6.7 Điều kiện ranh giới**

Khi CCTN hoạt động trong môi trường sản xuất, phải có không gian và thời hạn được xác định rõ ràng để đưa ra dịch vụ tài chính được đề xuất, trong đó có thể hạn chế được hậu quả của sự thất bại. Các điều kiện ranh giới thích hợp cần được xác định rõ ràng để CCTN được thực thi một cách có ý nghĩa đồng thời bảo vệ đầy đủ lợi ích của người tiêu dùng. Các điều kiện ranh giới cho CCTN có thể bao gồm những điều sau:

* Ngày bắt đầu và ngày kết thúc của CCTN
* Loại khách hàng mục tiêu
* Giới hạn số lượng khách hàng tham gia
* Mức trần giao dịch hoặc giới hạn giữ tiền mặt
* Giới hạn về tổn thất của khách hàng

**6.8 Bảo vệ người tiêu dùng**

6.8.1 Doanh nghiệp sẽ được yêu cầu đảm bảo rằng mọi nghĩa vụ hiện có đối với khách hàng của dịch vụ tài chính đang thử nghiệm được hoàn thành hoặc giải quyết trước khi thoát hoặc ngừng CCTN. Có thể lưu ý rằng việc nhập CCTN không giới hạn trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp đối với khách hàng của mình.

6.8.2 Các doanh nghiệp tham gia CCTN phải thông báo trước và minh bạch cho khách hàng thử nghiệm về những rủi ro tiềm ẩn và khoản bồi thường hiện có và được sự đồng ý rõ ràng của họ về vấn đề này. Cần có sự sắp xếp thích hợp để khách hàng rút khỏi cuộc kiểm tra.

6.8.3 Các pháp nhân của CCTN sẽ phải nhận bảo hiểm trách nhiệm / bồi thường với số lượng và thời hạn thích hợp để bảo vệ quyền lợi của khách hàng. Mức độ đầy đủ của bảo hiểm bồi thường sẽ phụ thuộc vào việc xác định trách nhiệm pháp lý tối đa, trong số những người khác, (i) mức độ tiếp xúc tối đa với một khách hàng (ii) số lượng khiếu nại có thể phát sinh từ một sự kiện (khả năng xảy ra nhiều khiếu nại); và (iii) số lượng yêu cầu có thể được dự kiến ​​trong thời gian chính sách. Bìa chính sách sẽ bắt đầu khi bắt đầu giai đoạn thử nghiệm và kết thúc ba tháng sau khi doanh nghiệp rời khỏi CCTN.

**7. Các giai đoạn của quy trình cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát**

7. 1 Quy trình từ đầu đến cuối

Một quy trình CCTN chi tiết từ đầu đến cuối, bao gồm việc thử nghiệm các sản phẩm / đổi mới của các công ty FinTech, sẽ được Giám sát bởi Bộ phận FinTech (FTD) dưới sự hướng dẫn chung của Nhóm liên bộ phận (IDG) của RBI với sự tham gia của các chuyên gia miền .

7. 2 Quy trình CCTN: Các giai đoạn và tiến trình

Mỗi nhóm CCTN sẽ có năm giai đoạn và tiến trình sau:

7. 2.1 Sàng lọc sơ bộ

Giai đoạn này có thể kéo dài trong 4 tuần kể từ khi đóng cửa sổ đăng ký. Các đơn đăng ký sẽ được FTD tiếp nhận và đánh giá các ứng viên trong danh sách rút gọn đáp ứng các tiêu chí về tính đủ điều kiện. FTD phải đảm bảo rằng người nộp đơn hiểu rõ ràng các mục tiêu và nguyên tắc của CCTN và tuân thủ chúng.

7.2.2 Thiết kế thử nghiệm

Giai đoạn này có thể kéo dài trong 4 tuần. FTD sẽ hoàn thiện thiết kế thử nghiệm thông qua cam kết lặp đi lặp lại với các ứng viên và xác định các chỉ số đo lường kết quả để đánh giá bằng chứng về lợi ích và rủi ro.

7.2.3 Đánh giá việc áp dụng

Giai đoạn này có thể kéo dài trong 3 tuần. FTD sẽ kiểm tra thiết kế thử nghiệm và đề xuất các sửa đổi quy định, nếu có.

7.2.4 Kiểm tra

Giai đoạn này có thể kéo dài tối đa 12 tuần FTD sẽ tạo ra bằng chứng thực nghiệm để đánh giá các xét nghiệm bằng cách giám sát chặt chẽ

7.2.5 Đánh giá

Giai đoạn này có thể kéo dài trong 4 tuần. Kết quả cuối cùng của việc thử nghiệm sản phẩm / dịch vụ / công nghệ theo các thông số dự kiến ​​bao gồm khả năng tồn tại / khả năng chấp nhận theo CCTN sẽ được RBI xác nhận. FTD sẽ đánh giá các báo cáo kết quả về thử nghiệm và quyết định xem sản phẩm / dịch vụ có khả thi và được chấp nhận theo CCTN hay không.

**8. Các vấn đề về luật định và pháp lý**

8.1 Sau khi được chấp thuận, người đăng ký sẽ trở thành doanh nghiệp sandbox chịu trách nhiệm vận hành trong CCTN. RBI sẽ cung cấp hỗ trợ quy định thích hợp bằng cách nới lỏng các yêu cầu quy định cụ thể (mà doanh nghiệp sandbox sẽ phải tuân theo), nếu cần, trong suốt thời gian của CCTN. RBI sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý phát sinh từ quá trình sandbox và bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ thử nghiệm sẽ do người đăng ký với tư cách là một doanh nghiệp sandbox chịu.

8.2 Sau khi thử nghiệm thành công và khi thoát khỏi CCTN, doanh nghiệp sandbox phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu quy định liên quan. Người nộp đơn cần hiểu rõ ràng về mục tiêu và nguyên tắc của CCTN. Cần phải nhấn mạnh rằng CCTN không có mục đích và không thể được sử dụng như một phương tiện để phá vỡ các yêu cầu pháp lý và quy định.

8.3 Khi kết thúc thời gian CCTN, doanh nghiệp sandbox phải rời khỏi CCTN.

**9. Tính minh bạch và tiết lộ**

9.1 Tiếp cận với các bên liên quan và phổ biến thông tin rõ ràng và đầy đủ về CCTN là rất quan trọng. RBI sẽ thông báo toàn bộ quy trình sandbox bao gồm sự ra mắt, chủ đề của cơ chế, những người đăng ký thành công được chọn cho CCTN, tiêu chí đầu vào và đầu ra và các sản phẩm / dịch vụ khả thi và được chấp nhận theo CCTN thông qua trang web chính thức.

9.2 RBI sẽ bảo lưu quyền công bố bất kỳ thông tin liên quan nào về những người đăng ký CCTN trên trang web của mình, bao gồm cả mục đích chuyển giao kiến ​​thức và hợp tác với các cơ quan quản lý quốc tế khác, mà không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến quyền sở hữu / quyền sở hữu trí tuệ.



**HƯỚNG DẪN**

**KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ**

**THỬ NGHIỆM FINTECH**

**Tháng 11/2016**

Cơ quan Quản lý Tiền tệ Singapore 1

**NỘI DUNG**

**Giới thiệu 3**

**Cách tiếp cận Sandbox 3**

**Mục đích của Hướng dẫn 4**

**Đối tượng mục tiêu 4**

**Mục tiêu và các Nguyên tắc của Sandbox 4**

**Các tiêu chí đánh giá Sandbox 5**

**Kéo dài thời hạn hoặc Thoát khỏi Sandbox 6**

**Hồ sơ đăng ký và Quá trình phê duyệt 7**

**Phụ lục A: Những ví dụ tính linh hoạt xung quanh 10**

**các Yêu cầu pháp lý và Kỳ vọng đối với Sandbox**

**Phụ lục B: Mẫu đăng ký hồ sơ tham gia Sandbox 12**

**Phụ lục C: Ví dụ về Hồ sơ tham gia Sandbox 17**

# GIỚI THIỆU

* 1. Singapore đặt mục tiêu phát triển một trung tâm tài chính thông minh, nơi khuyến khích đổi mới sáng tạo và công nghệ được sử dụng rộng rãi để nâng cao giá trị, tăng hiệu quả, quản lý rủi ro tốt hơn, tạo thêm những cơ hội mới và cải thiện cuộc sống của người dân Singapore.
  2. Cơ quan Quản lý Tiền tệ Singapore (“MAS”) tin tưởng rằng động lực chính để đưa Singapore trở thành một trung tâm tài chính thông minh là tạo ra một môi trường pháp lý có lợi cho việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến.
  3. Hiện tại, các tổ chức tài chính (“FI”) đã sẵn sàng giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình tài chính mới (“dịch vụ tài chính”) mà không cần sự cho phép của MAS, với điều kiện là họ đã thực hiện thẩm định (due diligence) và không vi phạm các yêu cầu pháp lý và quy định liên quan.
  4. Về vấn đề này, FI đã thử nghiệm với các dịch vụ tài chính mới trong môi trường sản xuất[[3]](#footnote-3), như bằng cách giới hạn việc thử nghiệm đối với từng nhóm khách hàng cụ thể hoặc đặt ngưỡng giá trị giao dịch.
  5. Tuy nhiên, trong bối cảnh công nghệ tài chính (“FinTech”) phát triển nhanh, các dịch vụ tài chính mới nổi sử dụng những ứng dụng của FinTech đang trở nên khó lường hơn và sự đổi mới sáng tạo để đáp ứng được các yêu cầu pháp lý cần có thời gian để kiểm chứng.
  6. Hơn nữa, sự sinh động của hệ sinh thái FinTech Singapore đã được chứng minh bởi số lượng các công ty khởi nghiệp ngày càng gia tăng tại quốc gia này. Những công ty mới thành lập này kỳ vọng thực hiện các dịch vụ tài chính sáng tạo trên nền tảng FinTech, tuy nhiên họ đang tìm cách phương pháp để kiểm tra tính khả thi của các dịch vụ tài chính này một cách hiệu quả và kịp thời.
  7. Trong những trường hợp chưa xác định rõ liệu một dịch vụ tài chính mới có tuân thủ các yêu cầu pháp lý và quy định hay không, một số FI hoặc các công ty mới khởi nghiệp có thể sai về mặt thận trọng và lựa chọn không thực hiện nó. Kết quả này là điều không mong muốn vì những đổi mới đầy hứa hẹn có thể bị bóp nghẹt và điều này có thể dẫn đến những cơ hội bị bỏ lỡ.

# CÁCH TIẾP CẬN QUẢN LÝ SANDBOX

* 1. MAS đang khuyến khích nhiều thử nghiệm FinTech hơn để những đổi mới sáng tạo tiềm năng có thể được thử nghiệm trên thị trường và có cơ hội được chấp nhận rộng rãi hơn ở cả trong nước và ở nước ngoài.

1 Môi trường sản xuất là nơi các sản phẩm hoặc dịch vụ thực tiễn được cung cấp cho khách hàng.

Để đạt được mục tiêu này, FI hoặc bất kỳ công ty nào quan tâm (“người nộp hồ sơ”) có thể nộp hồ sơ đăng ký tham gia vào Sandbox (“sandbox”) để thử nghiệm các dịch vụ tài chính sáng tạo trong môi trường sản xuất, nhưng bị giới hạn trong không gian và thời gian được xác định cụ thể. Sandbox phải bao gồm các biện pháp bảo vệ thích hợp để thu thập các thông tin về hệ quả của những thất bại thử nghiệm và đảm bảo sự an toàn và lành mạnh của hệ thống tài chính nói chung.

* 1. Tùy thuộc vào các dịch vụ tài chính được thử nghiệm, người nộp hồ sơ có liên quan và căn cứ hồ sơ được gửi đến, MAS sẽ xác định các yêu cầu pháp lý và quy định cụ thể đã được chuẩn bị để xem xét cho từng trường hợp.

Vui lòng tham khảo **PHỤ LỤC A** để tìm hiểu các ví dụ về các yêu cầu pháp lý và quy định mà MAS có thể xem xét nới lỏng (relaxed) trong khoảng thời gian tham gia Sandbox, cũng như những yêu cầu mà MAS quy định bắt buộc mà pháp nhân tham gia Sandbox phải chịu sự điều chỉnh để duy trì hoạt động.

* 1. Dựa trên sự phê duyệt của MAS, người nộp hồ sơ trở thành pháp nhân/thực thể chịu trách nhiệm triển khai và vận hành sandbox (“thực thể sandbox”), MAS cung cấp hỗ trợ pháp lý phù hợp bằng cách gửi các yêu cầu pháp lý và quy định cụ thể của mình trong suốt thời gian thử nghiệm trong Sandbox.
  2. Sau khi thử nghiệm thành công và khi thoát khỏi Sandbox, thực thể Sandbox phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý và quy định có liên quan.

# MỤC ĐÍCH CỦA HƯỚNG DẪN

* 1. Hướng dẫn về Khung pháp lý thử nghiệm Fintech (“Hướng dẫn”) đặt ra mục tiêu và nguyên tắc của Sandbox, và đưa ra hướng dẫn cho người nộp hồ sơ về quy trình đăng ký và cũng như những thông tin do MAS cung cấp.

# ĐỐI TƯỢNG MỤC TIÊU

* 1. Các hướng dẫn sẽ được đặc biệt quan tâm đối với các công ty đang tìm cách áp dụng công nghệ một cách sáng tạo để cung cấp các dịch vụ tài chính hoặc có khả năng được quy định bởi MAS. Đối tượng mục tiêu bao gồm nhưng không giới hạn đối với FIs, các công ty FinTech và các công ty dịch vụ chuyên ngành hợp tác hoặc hỗ trợ cho các doanh nghiệp đó.

# MỤC TIÊU VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CỦA SANDBOX

* 1. Phần này mô tả mục tiêu và các nguyên tắc của Sandbox, và cung cấp cho đối tượng mục tiêu với lý do để triển khai một Sandbox.
  2. Mục tiêu của MAS nhằm biến Singapore thành một trung tâm tài chính thông minh bằng cách khuyến khích việc áp dụng công nghệ tiên tiến và an toàn trong lĩnh vực tài chính. Để cụ thể hóa mục tiêu này, Sandbox có thể giúp khuyến khích nhiều thử nghiệm FinTech trong một không gian và thời gian được xác định rõ ràng mà MAS sẽ cung cấp sự hỗ trợ quy định cần thiết, để:

a. tăng hiệu quả;

b. quản lý rủi ro tốt hơn;

c. tạo thêm những cơ hội mới; hoặc

d. cải thiện cuộc sống của người dân

* 1. Giả định rằng một Sandbox hoạt động trong môi trường sản xuất, đòi hỏi phải có một không gian và thời gian được xác định rõ ràng cho dịch vụ tài chính dự kiến được giới thiệu, trong đó có thể bao gồm hệ quả thất bại của việc thử nghiệm.
  2. Người nộp hồ sơ cần hiểu rõ mục tiêu và các nguyên tắc của Sandbox, trong đó cần lưu ý rằng Sandbox không được đề xuất và không thể được sử dụng như một phương tiện để khắc phục (circumvent) các yêu cầu pháp lý và quy định.
  3. Ngoài ra, Sandbox có thể không phù hợp trong những trường hợp sau:

1. Dịch vụ tài chính dự kiến tương tự như các dịch vụ đã được cung cấp ở Singapore, trừ khi người nộp hồ sơ có thể cho thấy:
   1. Một công nghệ khác biệt được áp dụng; hoặc
   2. Cùng một công nghệ được áp dụng khác nhau
2. Người nộp hồ sơ không chứng minh được rằng họ đã thực hiện thẩm định/rà soát đặc biệt của mình, bao gồm kiểm tra dịch vụ tài chính dự kiến thực hiện trong môi trường thử nghiệm và hiểu rõ các yêu cầu pháp lý và quy định để triển khai dịch vụ tài chính dự kiến.

# CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SANDBOX

* 1. Phần này trình bày các tiêu chí đánh giá trọng yếu được MAS sử dụng để đánh giá các hồ sơ đăng ký của các công ty Fintech gửi đến.
  2. Hồ sơ phải bao gồm các thông tin hỗ trợ cần thiết **(PHỤ LỤC B)** để mô tả các tiêu chí đánh giá Sandbox có thể được đáp ứng như:

1. Dịch vụ tài chính dự kién bao gồm công nghệ mới, công nghệ mới nổi, hoặc sử dụng công nghệ hiện có một cách sáng tạo. Ví dụ, nghiên cứu thứ cấp cho thấy một số hoặc không có dịch vụ tương đương nào có sẵn trên thị trường Singapore;
2. Dịch vụ tài chính dự kiến giải quyết một vấn đề hoặc mang lại lợi ích cho người tiêu dùng hoặc ngành. Ví dụ, dịch vụ tài chính có thể được hỗ trợ bởi bằng chứng từ nghiên cứu về người tiêu dùng hoặc ngành công nghiệp có liên quan;
3. Người nộp hồ sơ có ý định và có khả năng triển khai dịch vụ tài chính dự kiến ở Singapore trên quy mô rộng hơn sau khi thoát khỏi Sandbox. Trường hợp có những lý do đặc biệt về dịch vụ tài chính được đề xuất không thể triển khai ở Singapore (như không thể triển khai thương mại tại Singapore), người nộp hồ sơ cần vẫn có thể tiếp tục đóng góp cho Singapore theo những cách khác nhau như tiếp tục nỗ lực phát triển của dịch vụ tài chính dự kiến tại Singapore;
4. Các kịch bản thử nghiệm và kết quả mong đợi của việc thử nghiệm Sandbox cần được xác định cụ thể và thực thể Sandbox phải báo cáo với MAS về quá trình thử nghiệm dựa trên kế hoạch đã được MAS phê chuẩn;
5. Các điều kiện ranh giới thích hợp cần được xác định rõ ràng, đảm bảo Sandbox được triển khai có hiệu quả, đồng thời bảo vệ đầy đủ lợi ích của người tiêu dùng và duy trì sự an toàn và lành mạnh của ngành;
6. Các rủi ro trọng yếu phát sinh từ dịch vụ tài chính dự kiến cần được đánh giá và có biện pháp giảm thiểu. Ví dụ, đưa ra các bằng chứng thử nghiệm sơ bộ của dịch vụ tài chính dự kiến như là một phần của ứng dụng Sandbox, xác định các rủi ro được nhận diện từ thử nghiệm sơ bộ và đề xuất biện pháp hạn chế rủi ro; và
7. Một chiến lược thoát khỏi và chuyển tiếp trong Sandbox được chấp nhận phải được xác định rõ ràng trong trường hợp dịch vụ tài chính được đề xuất phải ngừng hoặc có thể tiến hành triển khai trên quy mô rộng hơn sau khi thoát khỏi Sandbox.

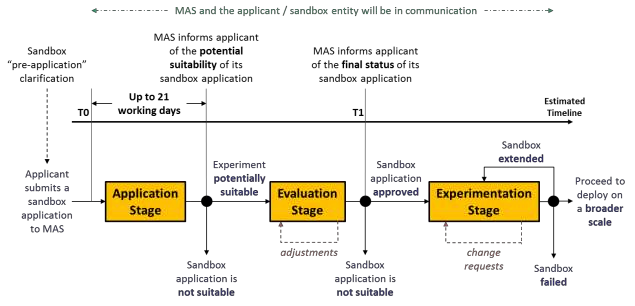
# KÉO DÀI THỜI GIAN HOẶC THOÁT KHỎI SANDBOX

* 1. Khi kết thúc giai đoạn thử nghiệm Sandbox, các yêu cầu pháp lý và quy định được MAS nới lỏng sẽ hết hiệu lực và thực thể tham gia phải thoát khỏi Sandbox.
  2. Trong trường hợp thực thể sandbox đề nghị kéo dài thời gian tham gia thử nghiệm, thực thể sandbox cần phải đăng ký với MAS ít nhất **01 tháng** trước thời điểm hết hiệu lực tham gia sandbox và nêu rõ lý do để phục vụ việc đăng ký gia hạn. Ví dụ, thực thể Sandbox cần thêm thời gian để thực hiện các thay đổi đối với dịch vụ tài chính theo thử nghiệm sau khi xem xét phản hồi của khách hàng hoặc sửa lỗi hoặc thực thể Sandbox cần thêm thời gian để tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý và quản lý có liên quan. MAS sẽ rà soát đánh giáhồ sơ và phê duyệt sẽ được xem xéttheo từng trường hợp cụ thể. Quyết định của MAS về hồ sơ xin gia hạn là quyết định cuối cùng.
  3. Khi thoát khỏi Sanbox, thực thể sandbox có thể tiến hành triển khai dịch vụ tài chính thử nghiệm trên quy mô rộng hơn, với điều kiện là:

1. Cả MAS và thực thể Sandbox đều thống nhất rằng Sandbox đã đạt được kết quả thử nghiệm theo kết quả kiểm tra dự kiến; và
2. Thực thể sandbox có thể tuân thủ hoàn toàn các quy định pháp lý và quản lý có liên quan.
   1. Sandbox sẽ ngừng hoạt động khi:
3. MAS không cho rằng Sandbox đã đạt được mục đích dự định của nó, dựa trên các kịch bản thử nghiệm mới nhất, kết quả kỳ vọng và tiến độ thoả thuận với thực thể sandbox;
4. Thực thể sandbox không thể tuân thủ/đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý và quản lý có liên quan vào cuối giai đoạn thử nghiệm sandbox. Trong trường hợp như vậy, thực thể sandbox được khuyến khích tham gia với MAS sớm hơn;
5. Những khoảng trống đã được phát hiện trong dịch vụ tài chính thử nghiệm mà gây ra rủi ro cho khách hàng hoặc hệ thống tài chính lớn hơn lợi ích của dịch vụ tài chính thử nghiệm và thực thể sandbox nhận thức được rằng khoảng trống đó không thể được giải quyết trong khoảng thời gian tham gia sandbox;
6. MAS chấm dứt/ngừng hoạt động của Sandbox vì các lý do như thực thể Sandbox vi phạm bất kỳ điều kiện nào được áp dụng cho khoảng thời gian tham gia thử nghiệm; hoặc là
7. Thực thể sandbox đã thông báo cho MAS về quyết định riêng của mình để thoát khỏi Sandbox.
   1. Các thực thể sandbox cần đảm bảo rằng bất kỳ nghĩa vụ hiện tại cho khách hàng của mình về dịch vụ tài chính thử nghiệm phải được đáp ứng đầy đủ hoặc được giải quyết trước khi thoát khỏi sandbox hoặc ngừng tham gia sandbox.

# QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ VÀ PHÊ DUYỆT

* 1. Người nộp hồ sơ phải đảm bảo rằng mục tiêu, nguyên tắc và các tiêu chí được quy định trong **Mục 5** và **Mục 6** được đáp ứng trước khi nộp hồ sơ và **PHỤ LỤC B** cho cán bộ rà soát, đánh giá của MAS nếu người nộp hồ sơ do MAS quy định FI **hoặc** [**Fintech\_Sandbox@mas.gov.vn**](mailto:Fintech_Sandbox@mas.gov.vn)**.**
  2. Sơ đồ sau mô tả quy trình đăng ký và phê duyệt. MAS sẽ liên hệ với người nộp hồ sơ/thực thể sandbox trong quá trình đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí tham gia sandbox, cũng như trong quá trình thử nghiệm:



Sandbox thất bại

Triển khai trên quy mô rộng

Yêu cầu thay đổi

Mở rộng sandbox

Hồ sơ đăng ký sandbox không phù hợp

Điều chỉnh

Đăng ký sandbox được phê duyệt

Hồ sơ đăng ký sandbox không phù hợp

Thử nghiệm sự phù hợp tiềm năng

Giai đoạn thử nghiệm

Giai đoạn đánh giá hồ sơ

Giai đoạn đăng ký hồ sơ

Người nộp hồ sơ đệ trình Hồ sơ đăng ký tới MAS

Thời gian dự định

Trong vòng 21 ngày làm việc

MAS thông tin tới người nộp hồ sơ về sự phù hợp tiềm năng của hồ sơ đăng ký với sandbox

Làm rõ thông tin trước khi đăng ký sandbox

MAS thông báo với người nộp hồ sơ về tình trạng của Hồ sơ đăng ký sandbox

MAS và người nộp hồ sơ/thực thể sandbox sẽ trao đổi với nhau

MAS và người nộp hồ sơ/thực thể sandbox sẽ trao đổi với nhau

Làm rõ thông tin trước khi đăng ký sandbox

1. Trước khi nộp đơn đăng ký, người nộp hồ sơ có thể và nên làm rõ các câu hỏi có liên quan về sandbox thông qua trao đổi với MAS qua địa chỉ thư điện tử [FinTech\_Sandbox@mas.gov.sg](mailto:FinTech_Sandbox@mas.gov.sg).
2. Tại **“Giai đoạn đăng ký Hồ sơ”**, MAS sẽ xem xét đơn đăng ký và phản hồi thông tin tới người nộp hồ sơ về sự phù hợp của Hồ sơ đăng ký với sandbox trong vòng **21 ngày làm việc** sau khi MAS đã nhận được đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc thẩm định (T0). Các chỉ dẫn sơ bộ ban đầu sẽ giúp người nộp hồ sơ định hướng kế hoạch kinh doanh và sử dụng nguồn lực của mình.
3. Tại **“Giai đoạn đánh giá Hồ sơ”,** thời gian yêu cầu đánh giá toàn diện về Hồ sơ đăng ký (T1) phụ thuộc vào sự phức tạp và hoàn thiện của Hồ sơ đăng ký và mức độ chi tiết của các yêu cầu pháp lý và quy định có liên quan. Tùy thuộc vào tính chất nghiên cứu của phương pháp tiếp cận sandbox, người nộp hồ sơ được cho phép thực hiện điều chỉnh Hồ sơ đăng ký để nộp lại (ví dụ điều chỉnh các điều kiện giới hạn) sau khi đã thảo luận và thống nhất với MAS. Người nộp hồ sơ sẽ được MAS thông báo bằng văn bản về việc tiếp tục thủ tục theo sandbox hay không.
4. Người nộp hồ sơ sẽ được thông báo về việc Hồ sơ đăng ký bị từ chối. Lý do của việc từ chối có thể bao gồm việc không đáp ứng các mục tiêu và nguyên tắc của sandbox hoặc bất kỳ tiêu chí đánh giá nào khác. Người nộp hồ sơ có thể nộp lại cho sandbox sau khi đã sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu, nguyên tắc và các tiêu chuẩn đánh giá của sandbox.
5. Khi phê duyệt Hồ sơ đăng ký, sandbox được đưa ra ở **“giai đoạn thử nghiệm”** và **Mục 7** sẽ được áp dụng. Thực thể sandbox phải thông báo cho khách hàng của họ về việc dịch vụ tài chính đang được vận hành trong sandbox và chỉ ra các rủi ro chính liên quan tới dịch vụ tài chính. Thực thể sandbox cũng được yêu cầu xác nhận về nhận thức của khách hàng rằng họ đã đọc và hiểu về những rủi ro đó.
6. Trong trường hợp thực thể sandbox dự định thưc hiện các thay đổi quan trọng đối với dịch vụ tài chính trong quá trình thử nghiệm của “giai đoạn thử nghiệm”, thực thể sandbox nên đăng ký với MAS trước đó ít nhất 1 tháng và cung cấp chi tiết về những thay đổi cùng với các lí do của việc thay đổi (change requests). Thực thể sandbox có thể tiếp tục thử nghiệm với giải pháp đang thực hiện trong khi chờ MAS xem xét change requests và có thông báo cho thực thể sandbox về quyết định của MAS đối với các yêu cầu thay đổi đó.
7. Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch và đầy đủ thông tin tới khách hàng, các thông tin có liên quan tới tất cả các Hồ sơ đăng ý sandbox được phê chuẩn như: tên của người nộp hồ sơ, ngày bắt đầu và kết thúc thử nghiệm sandbox sẽ được công bố trên cổng thông tin điện tử của MAS.
   1. Để minh hoạt về quy trình đăng ký và phê duyệt, **Phụ lục C** cung cấp về một trường hợp cụ thể Hồ sơ đăng ký đã đáp ứng các mục tiêu của MAS và sẽ được cho phép thực hiện theo sandbox.

# Phụ lục A

**VÍ DỤ VỀ CÁC YÊU CẦU PHÁP LÝ VÀ MỤC TIÊU CÓ THỂ ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH CỦA SANDBOX**

Bảng dưới đây cung cấp ví dụ về các yêu cầu pháp lý và quy định mà MAS chuẩn bị để xem xét, cân nhắc nới lỏng trong quá trình thực hiện sandbox cũng như các quy định MAS dự định duy trì. Cần nhấn mạnh rằng các ví dụ đưa ra trong bảng này không phải là toàn bộ các yêu cầu. Tùy thuộc vào dịch vụ tài chính đề xuất, thông tin liên quan của người nộp hồ sơ và Hồ sơ đăng ký được nộp, MAS sẽ quyết định các yêu cầu pháp lý và quy định cụ thể cần phải đáp ứng cho từng trường hợp cụ thể.

|  |
| --- |
| **Ví dụ về các yêu cầu “Duy trì hoạt động”** |
| Bảo mật thông tin khách hàng |
| Các tiêu chí phù hợp đặc biệt liên quan tới tính trung thực và toàn vẹn |
| Quản lý tiền và tài sản của khách hàng thông qua trung gian |
| Ngăn chặn hành vi rửa tiền và tài trợ khủng bố |

|  |
| --- |
| **Ví dụ về các yêu cầu “Có thể nới lỏng”** |
| Yêu cầu về việc duy trì tài sản |
| Thành phần Hội đồng quản trị |
| Số dư tiền mặt |
| Xếp hạng tín dụng |
| Sự lành mạnh/ổn định về tài chính |
| Khả năng thanh toán/chi trả và khả năng an toàn vốn |
| Phí cấp phép |
| Kinh nghiệm quản lý |
| Các hướng dẫn của MAS, như hướng dẫn về công tác quản trị rủi ro công nghệ và thuê ngoài (outsourcing). |
| Tài sản lưu động tối thiểu |

|  |
| --- |
| Vốn tối thiểu |
| Quy mô hoạt động |
| Uy tín |
| Lưu, theo dõi Hồ sơ |

# Phụ lục B

**MẪU ĐĂNG KÝ CHO FINTECH THEO KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ SANDBOX**

## Thông tin về Người nộp Hồ sơ

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức** |  |
| **Địa chỉ** |  |
| **Số điện thoại** |  |
| **Quốc gia đăng ký thành lập** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Người đại diện theo pháp luật** |  |
| **Chức danh** |  |
| **Email** |  |
| **Điện thoại** |  |
| **Chữ ký** |  |
| **Ngày/tháng/năm** |  |

1. **Tổng quan**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả** | **Phản hồi** |
| 1 | Cung cấp mô tả ngắn gọn về tổ chức và các hoạt động kinh doanh cốt lõi của tổ chức. |  |
| 2 | Cung cấp mô tả ngắn gọn về các dịch vụ tài chính dự kiến được thử nghiệm trong sandbox. |  |
| 3 | Người nộp Hồ sơ hiện có giấy phép liên quan để triển khai dịch vụ tài chính dự kiến trong môi trường thử nghiệm hay không? Vui lòng cung cấp thông tin chi tiết. |  |
| 4 | Người nộp Hồ sơ có đề nghị nới lỏng bất kỳ yêu cầu pháp lý và quy định cụ thể nào được MAS quy định trong suốt thời gian thử nghiệm không? Vui lòng cung cấp thông tin chi tiết. |  |

1. **Chi tiết về kế hoạch hỗ trợ các tiêu chí đánh giá Sandbox**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Các yêu cầu về đánh giá sandbox** | **Thông tin hoặc Tệp hỗ trợ đính kèm** |
| Đoạn 6.2a và 6.2b | i. Công nghệ và các cách thức sáng tạo trong đó công nghệ được áp dụng, bao gồm so sánh các tính năng chính chống lại các công nghệ tương tự hoặc các công nghệ cạnh tranh, hoặc cách thức mà các dịch vụ tài chính cạnh tranh đang hoạt động. |  |
| ii. Lợi ích của dịch vụ tài chính dự kiến, như cải tiến về bảo mật, trải nghiệm khách hàng, hiệu quả chi phí, hiệu quả hoạt động hoặc mở rộng sang các phân khúc thị trường mới. Đưa ra đánh giá có thể định lượng (nếu có). |  |
| Đoạn 6.2c | i. Đánh gía sự phù hợp và tính sẵn sàng của dịch vụ tài chính dự kiến cung cấp cho thị trường Singapore, bao gồm so sánh ngắn gọn với các thị trường tương tự trên toàn cầu. |  |
| ii. Tổng quan về chiến lược và kế hoạch kinh doanh, bao gồm lộ trình tiếp tục phát triển tại Singapore hoặc triển khai dịch vụ tài chính dự kiến cung cấp ở thị trường Singapore trên quy mô rộng hơn. Kế hoạch kinh doanh cần giải quyết các khoảng trống (nếu có) trong việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý và pháp lý có liên quan sau khi thoát khỏi sandbox. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Các yêu cầu** | **Thông tin hoặc Tệp hỗ trợ đính kèm** |
|  | iii. Tình hình tài chính của người nộp Hồ sơ, bao gồm bất kỳ nguồn vốn huy động từ các nhà đầu tư. |  |
| iv. Kiến thức chuyên môn về kinh doanh và kỹ thuật liên quan và kinh nghiệm của người nộp Hồ sơ. |  |
| Para 6.2d and 6.2e | i. Các kịch bản thử nghiệm để loại bỏ sự không chắc chắn có thể phát sinh từ các quy định, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh, và không thể được mô phỏng hoặc hiệu quả trong môi trường thử nghiệm. |  |
| ii. Những mục tiêu phù hợp cho phép MAS và người nộp hồ sơ đánh giá về kết quả thử nghiệm. |  |
| 1. Các điều kiện danh giới của sandbox (trong phạm vi lãnh thổ), như:    * Thời điểm bắt đầu và kết thúc của sandbox    * Nhóm khách hàng mục tiêu    * Giới hạn về số lượng khách hàng (công ty) tham gia thử nghiệm    * Những giới hạn định lượng như ngưỡng giao dịch hoặc giới hạn nắm giữ tiền mặt |  |
| iv. Có quy trình kiểm tra để đảm bảo rằng các điều kiện danh giới không bị vi phạm. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Các yêu cầu** | **Thông tin hoặc Tệp hỗ trợ đính kèm** |
| Đoạn 6.2f và 6.2g | i. Định lượng những tổn thất và tác động tối đa mà kế hoạch đề xuất có khả năng tạo ra, bao gồm bất kỳ hiệu ứng đi kèm. |  |
| ii. Các kênh xử lý truy vấn, phản hồi hoặc giải quyết khiếu nại của khách hàng. |  |
| iii. Kế hoạch giám sát để đảm bảo thông báo kịp thời cho MAS về bất kỳ vi phạm nào, ví dụ như vi phạm các trường hợp thử nghiệm, điều kiện danh giới hoặc biện pháp bảo vệ. |  |
| 1. Có kế hoạch giảm thiểu rủi ro để giảm thiểu tác động của thất bại thử nghiệm đối với khách hàng và hệ sinh thái tài chính rộng lớn hơn. |  |
| 1. Kế hoạch thoát khỏi Sandbox và kế hoạch chuyển tiếp cho khách hàng, trong trường hợp dịch vụ tài chính dự kiến cung cấp phải tạm ngừng hoặc có thể tiến hành triển khai trên quy mô rộng hơn sau khi thoát khỏi sandbox. |  |
| 1. Kế hoạch truyền thông để thông báo cho khách hàng, bao gồm:    * Thời hạn, các điều kiện danh giới và công bố rủi ro liên quan để tham gia sandbox;    * Thông báo trước về việc hủy bỏ hoặc kéo dài thời hạn tham gia sandbox, hoặc khi dịch vụ tài chính dự kiến được triển khai trên quy mô rộng hơn. |  |

**PHỤ LỤC C**

**VÍ DỤ VỀ MỘT TRƯỜNG HỢP XIN THAM GIA VÀO SANDBOX**

**Scenario**

* Một công ty phát triển một dịch vụ tài chính đổi mới sáng tạo thông qua việc kết hợp giữa công nghệ cũ và mới, cho một hoạt động đã được quy định hoặc sẽ nhiều khả năng được quy định bởi MAS.
* Qua nghiên cứu cho thấy các dịch vụ tài chính dự kiến có thể giải quyết được một vấn đề lớn còn tồn đọng trong lĩnh vực tài chính và công ty có muốn triển khai những dịch vụ tài chính này tại Singapore.
* Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm giải trình, làm rõ về dịch vụ tài chính được đề xuất trong môi trường thử nghiệm của mình.
* Tuy nhiên, công ty sẽ không chắc việc các rủi ro nổi bật này có được giải quyết hiệu quả hay không khi hiện chưa có tiền lệ hướng dẫn việc thử
* Bên cạnh đó, công ty vẫn đang ở giai đoạn đầu của việc phát triển và không thể tuân thủ theo những yêu cầu pháp lý và quy định hiện hành. Điều này đòi hỏi những đặc cách từ MAS.

**Cách tiếp cận hiện hành**

* Công ty gửi một đơn xin cấp phép lên MAS và chỉ ra những miễn trừ cụ thể mà công ty mong muốn.
* Do dịch vụ tài chính đề xuất là mới và công ty hiện chưa có một hồ sơ theo dõi mà có thể so sánh với các tổ chức tài chính đã được thành lập, nên MAS cần nhiều thời gian hơn để hiểu về mô hình kinh doanh và công nghệ mà công ty sử dụng, cũng như làm rõ hơn về các rủi ro tiềm ẩn.
* Với cách thức tiếp cận hiện hành này, kịch bản này có thể diễn ra theo nhiều kết quả khác nhau mà cản trở, bóp nghẹt các đổi mới sáng tạo cũng như cánh cửa cho cơ hội tiềm năng đều bị đóng sập:
  + Công ty có thể đối diện với những vấn đề không chắc chắn trong suốt quá trình nộp đơn đăng ký.
  + Công ty có thể đi vào lối mòn và không có những ý tưởng kinh doanh mới mới lạ.
  + Công ty có thể cân nhắc triển khai các sản phẩm dịch vụ tài chính đề xuất bên ngoài Singapore nếu như môi trường pháp lý ở quốc gia nào đó cởi mở hơn.

**Cách thức tiếp cận theo Sandbox**

* Cho phép MAS khuyến khích việc trải nghiệm của các sáng tạo Fintech thông qua việc ứng dụng một khuôn thử nghiệm, công ty sẽ gửi một đơn yêu cầu theo những hướng dẫn về việc tham gia vào khuôn khổ thử nghiệm.
* Thay vì liên lạc với đơn vị rà soát của MAS, công ty sẽ nộp đơn xin phép và cung cấp thông tin tới hòm thư [FinTech\_Sandbox@mas.gov.sg](mailto:FinTech_Sandbox@mas.gov.sg)
* MAS nhận hồ sơ đăng ký và đánh giá nó trên các tiêu chí đánh giá của Khuôn khổ thử nghiệm bao gồm cả các yêu cầu về pháp lý và quy định cần được giảm bớt trong suốt quá trình tham gia thử nghiệm.
  + Nhằm hỗ trợ cho hoạt động và kế hoạch phân bổ nguồn lực cho công ty, MAS sẽ thông báo tới Bên đăng ký về việc liệu đơn của họ có phù hợp với sandbox hay không sau 21 ngày làm việc kế từ khi nhận được đẩy đủ thông tin cần thiết cho việc đánh giá.
  + MAS tiếp tục đánh giá và làm rõ hơn các vấn đề với công ty. Công ty sẽ được yêu cầu bằng văn bản liệu có được tham gia vào sanbox với tư cách là đơn vị tham gia thử nghiệm hay không.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Đánh giá**  **(chỉ mang tính minh họa, chưa phản ánh đầy đủ)** |
| **Sản phẩm tài chính đề xuất có bao gồm các công nghệ mới hoặc mới nổi hay sử dụng công nghệ cũ nhưng theo cách thức đổi mới.** | Sản phẩm tài chính dự kiến chưa tồn tại tại Singapore. Nó tận dụng công nghệ và tăng trải nghiệm khách hàng cũng như hợp lý hóa các hoạt động. Bên đăng ký yêu cầu giảm trừ một số quy định cụ thể về quy định pháp lý mà họ chưa thể đáp ứng được đầy đủ tại thời điểm hiện tại trong suốt qua trình tham gia thử nghiệm. |
| **Liệu dịch vụ tài chính dự kiến sẽ giải quyết được vấn đề hoặc mang lại lợi ích cho khách hàng và toàn ngành?** |
| **Liệu Bên đăng ký có dự định hoặc có khả năng triển khai dịch vụ tài chính dự kiến ở quy mô rộng hơn khi rời khỏi Khuôn khổ thử nghiệm hay không?** | Bên đăng ký đảm bảo nguồn vốn huy động là 1 triệu đô la Singapore. Đồng thời tăng được gấp đôi lượng người trong công ty so với năm ngoái, đồng thời cũng cung cấp được một kế hoạch kinh doanh và lộ trình để triển khai dịch vụ dự kiến tại Singapore với quy mô rộng hơn. |
| **Liệu kịch bản thử nghiệm và kết quả dự kiến đã rõ**  **ràng chưa?** | Khuôn khổ thử nghiệm chỉ áp dụng tới tối đa 50 khách hàng và triển khai trong vòng 6 tháng nhằm đánh giá những tiến triển trong trải nghiệm khách hàng và xác thực các rủi ro có thể xảy ra cũng như các cơ chế giảm thiểu rủi ro. |
| **Liệu các điều kiện giới hạn đã phù hợp chưa?** |
| **Các rủi ro đã được phát hiện và hạn chế?** | Các dịch vụ tài chính dự kiến đã được trải nghiệm trong các kịch bản khác nhau trong môi trường thử nghiệm nội bộ.  Trong trường hợp các dịch vụ tài chính không có khả năng tiếp tục triển khai, các khách hàng tham gia Khuôn khổ thử nghiệm sẽ được thông báo để đảm bảo việc rút lui được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi. |
| **Liệu đã có một chiến lược chuyển đổi và rời khỏi Khuôn khổ thử nghiệm rõ ràng?** |

FINTECH REGULATORYSANDBOXGUIDELINES 16 NOVEMBER2016

Monetary AuthorityofSingapore 19

# Monetary Authority of Singapore 10 Shenton Way

**MAS Building Singapore 079117**

[**FinTech\_Sandbox@mas.gov.sg**](mailto:FinTech_Sandbox@mas.gov.sg)

1. The world’s best fintech centre ranking in 2017, Delloit’s report. [↑](#footnote-ref-1)
2. Financial Technology Regulatory Sandbox Guidelines, Monetary Authority of Singapore, November 2016. [↑](#footnote-ref-2)
3. [↑](#footnote-ref-3)